

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2001/QĐ.UB

Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

**"V/V PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH CẦN THƠ GIAI
ĐOẠN 2001-2005"**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05/6/2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại Công văn số 194/KHCC&MT ngày 12/6/2001,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển Công nghệ thông tin (CNTT) tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005 với những nội dung chủ yếu sau:

1- Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển:

a- Quan điểm chỉ đạo:

Phát triển CNTT trên cơ sở hợp tác và tiếp nhận công nghệ mới, đẩy mạnh công tác triển khai ứng dụng là chính kết hợp nghiên cứu phát triển và đào tạo phát triển nguồn nhân lực CNTT theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế để tỉnh Cần Thơ trở thành nơi gia công và sản xuất phần mềm cho các trung tâm trong nước, các nước trong khu vực, tiến tới xuất khẩu phần mềm và xuất khẩu lao động có tay nghề cao.

Phát triển CNTT phải hướng vào các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và an ninh quốc phòng, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quản lý điều hành của các hoạt động hành chính, sản xuất kinh doanh và dịch vụ. CNTT là chương trình kỹ thuật - kinh tế ưu tiên của tỉnh, là cơ sở hạ tầng thông tin cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, đồng thời là nền tảng cho việc hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu.

Phát triển CNTT theo hướng xã hội hóa, tạo điều kiện và khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân phát triển CNTT. Cơ quan Đảng và Nhà nước phải đi tiên phong trong lĩnh vực này và trở thành khách hàng của thị trường CNTT nội địa.

b- Mục tiêu phát triển:

Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho phát triển CNTT trên cơ sở ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản về thông tin trong quản lý Nhà nước, trong các hoạt động kinh tế xã hội và của công dân, góp phần chuẩn bị cho tỉnh bước vào hội nhập kinh tế trong khu vực và tiến tới nền kinh tế tri thức.

Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao nhận thức về CNTT cho các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt chú trọng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp, cán bộ công chức, viên chức và cho học sinh phổ thông.

- Vận dụng các chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân phát triển CNTT.

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng thông tin trong nội bộ cơ quan doanh nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm. Xây dựng Trung tâm công nghệ phần mềm của tỉnh tiến tới xây dựng Công viên phần mềm, tạo tiền đề cho phát triển công nghiệp phần mềm.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, triển khai và ứng dụng CNTT trong hoạt động lãnh đạo quản lý điều hành kinh tế xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

- Xây dựng nhà máy lắp ráp thiết bị tin học tiến tới sản xuất một số chi tiết để tăng tỉ lệ nội địa hóa sản phẩm.

2- Nội dung chủ yếu Chương trình phát triển CNTT:

- Nâng cao nhận thức về CNTT trong tỉnh, đặc biệt cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển CNTT.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT và công nghiệp phần mềm.

- Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT.

- ứng dụng CNTT phục vụ quản lý điều hành kinh tế - xã hội của các cơ quan quản lý Nhà nước và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh.

- Xây dựng Công nghiệp CNTT và công nghiệp phần mềm.

- Nhu cầu tài chính cho Chương trình tổng thể phát triển CNTT:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung hoạt động	Cộng (triệu)	Năm				
		2001	2002	2003	2004	2005
I. Xây dựng tiềm lực CNTT	15.600	3.100	3.550	3.600	3.150	2.200
1. Giáo dục - Đào tạo 1789	3.600	700	750	800	750	600
2. Xây dựng mạng dữ liệu 3	4.000	800	1.200	1.200	800	
3. Hoạt động R-D và hạ tầng 2 6	8.000	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
II. ứng dụng CNTT	10.000	1.400	2.400	2.400	2.400	1.400
1. Xây dựng CSDL và ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực 45 11	10.000	1.400	2.400	2.400	2.400	1.400
III. Công nghiệp phần mềm	10.000	6.000	4.000			
1. Trung tâm công nghệ phần mềm	10.000	6.000	4.000			
Tổng cộng	35.600	10.500	9.950	6.000	5.550	3.600

3- Các giải pháp thực hiện:

- Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về CNTT.

- Nhóm giải pháp về qui định thống nhất các tiêu chuẩn kỹ thuật trong hệ thống thông tin của tỉnh.

- Nhóm giải pháp về xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin của tỉnh.
- Nhóm giải pháp về tạo nguồn thông tin và chuẩn hóa thông tin.
- Bảo vệ thông tin trên mạng.
- Bảo vệ bản quyền sở hữu trí tuệ.
- Chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.
- Thúc đẩy thị trường công nghệ thông tin phát triển.
- Vốn cho phát triển công nghệ thông tin.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện những nội dung cơ bản của Chương trình phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005.

Các Sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cụ thể hóa Chương trình này, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cụ thể để phấn đấu thực hiện trong năm 2001 và những năm tiếp theo; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UBND TỈNH CẦN THƠ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Phong Tranh

MỤC LỤC

Sự Cần Thiết	2
Chương I: Hiện trạng và Nhu cầu phát triển CNTT ở Cần Thơ	3
I.1. Thực trạng CNTT	3
I.2. Nhu cầu Phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ	9
Chương II: Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình phát triển CNTT	11
II.1. Định hướng của Đảng và Nhà nước	11
II.2. Định hướng của tỉnh Cần Thơ	12
Chương III: Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển CNTT	14
III.1 Quan điểm chỉ đạo	14
III.2. Mục tiêu phát triển	14
Chương IV: Nội dung chủ yếu chương trình phát triển CNTT	16
IV.1. Nâng cao nhận thức về CNTT trong tỉnh, đặc biệt cho đội ngũ Cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp	16
IV.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển CNTT	16
IV.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin	19
IV.4. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin điện tử của tỉnh.	20
IV.5. Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT và công nghiệp phần mềm	21
IV.6. Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT	21
IV.7. ứng dụng CNTT trong hoạt động lãnh đạo quản lý điều hành Kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh.	22
IV.8. Xây dựng Công nghiệp CNTT và công nghiệp phần mềm	22
IV.9. Nhu cầu tài chính cho chương trình tổng thể phát triển CNTT	24

Chương V. Biện pháp tổ chức thực hiện	25	
V.1. Biện pháp thực hiện		25
V.2. Tổ chức thực hiện	31	
V.3. Kiến nghị	32	
Chương VI. Tóm tắt các dự án chương trình phát triển CNTT	34	
Các phụ lục		39
Tài liệu tham khảo		46

SỰ CẦN THIẾT

Cùng với nhân loại, chúng ta đang chứng kiến sự chuyển biến mạnh mẽ sâu sắc trên phạm vi toàn cầu mang tính cách mạng làm thay đổi cả về hình thức lẫn nội dung của các hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội của loài người. Đó chính là việc xuất hiện các mầm mống của xã hội thông tin trên nền tảng kinh tế trí thức, đã có tác động lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia. Các quốc gia phát triển đang tích cực xây dựng các cơ sở hạ tầng để chuyển sang nền kinh tế trí thức trên cơ sở xã hội thông tin. Các quốc gia đang phát triển và nhất là các nước trong khu vực đang có những bước tiến mạnh mẽ trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), như Ấn Độ, Trung Quốc nhằm thực hiện việc chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp mới với những yếu tố của xã hội thông tin và nền kinh tế trí thức.

Việt Nam đã xác định được ý nghĩa chiến lược và tầm quan trọng của CNTT đối với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong Nghị quyết 49/CP của Chính phủ ban hành năm 1993 đã xác định: CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại, chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông, nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm tàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội. CNTT phục vụ trực tiếp cho việc cải tiến Quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng đã ra Chỉ thị 58/CT về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ 21.

Cần Thơ đã có những bước tiến đáng kể trong việc ứng dụng và phát triển CNTT trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, để thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn tới 2001-2010, Cần Thơ cần có những bước đột phá để tạo đà cho phát triển kinh tế xã hội, cho sự hòa nhập kinh tế khu vực cũng như tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh nhà, đồng thời chuẩn bị những cơ sở cho bước tiến tới xã hội thông tin trên nền kinh tế trí thức trong những thập niên đầu thế kỷ 21. Chính vì lẽ đó mà chương trình phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ thời kỳ 2001-2005 đã được xây dựng. Chương trình phát triển CNTT không phải là một chương trình phát triển công nghệ. Nó chỉ nhằm đưa ra nội dung phải phát triển CNTT như thế nào và quan điểm phát triển CNTT ở Cần Thơ trong thời kỳ tới ra sao. Trong quá trình xây dựng chương trình phát triển CNTT giai đoạn 2001-2005, có tính tới việc kế thừa kế hoạch tổng thể phát triển CNTT thời kỳ 1996-2000 và đảm bảo tuân thủ theo quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thông qua các văn kiện: Chỉ thị 58/CT, Nghị quyết 07/CP và kế hoạch tổng thể phát triển CNTT quốc gia thời kỳ 2001-2005.

CHƯƠNG I

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU VỀ PHÁT TRIỂN CNTT Ở CẦN THƠ

I.1. Thực trạng công nghệ thông tin

1.1. Xu thế phát triển công nghệ thông tin trên thế giới: Công nghiệp CNTT ở các nước phát triển tăng trưởng liên tục trong nhiều năm qua và đến năm 1998 đã chiếm 8,2% GDP của các nước này. Riêng ở Hoa Kỳ tổng giá trị của CNTT chiếm 14% GDP (1996). Các nước phát triển tích cực chuẩn bị cho nền kinh tế trí thức và xã hội thông tin với việc xây dựng ba thành phần cơ bản: hạ tầng cơ sở thông tin quốc gia với các siêu xa lộ thông tin nối mạng toàn cầu, thương mại điện tử và công nghiệp nội dung. Bên cạnh đó các nước công nghiệp mới duy trì và phát triển công nghiệp máy tính (công nghiệp phần cứng) để đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đồng thời chuyển sang lĩnh vực dịch vụ thông tin (công nghiệp dịch vụ) và công nghiệp phần mềm, tích cực xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia.

1.2. Thực trạng và xu thế phát triển công nghệ thông tin của Việt nam:

Thực trạng: Xuất phát điểm từ một nước về cơ bản vẫn lạc hậu về thông tin, chưa thiết lập được hệ thống thông tin tin cậy, sự phát triển CNTT những năm 80 về trước là tự phát, đội ngũ cán bộ chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực CNTT còn quá ít, chưa được phối hợp theo một chương trình mục tiêu thống nhất. Hoạt động nghiên cứu triển khai về CNTT còn hạn chế chưa có khả năng đi sâu vào hiện đại. Qua 03 năm thực hiện chương trình quốc gia về CNTT 1996-2000, đã đạt được một số thành tựu sau:

Nâng cao nhận thức và Phát triển nhân lực về CNTT, dự kiến đến cuối năm 2000, sẽ đạt được 20.000 lao động có trình độ đại học về CNTT. Cơ sở hạ tầng CNTT được quan tâm với việc hình thành mạng diện rộng của chính phủ liên kết với các mạng trung tâm của 61 tỉnh, thành và 33 bộ ngành. Một số mạng diện rộng chuyên ngành cũng đã đi vào hoạt động. Mạng khung truyền dữ liệu quốc gia là VNN có hai đường trung tuyến công suất 2Mb/giây qua vệ tinh và một đường dự phòng 192Kb/giây nối với mạng X25 và cung cấp các dịch vụ nối mạng và dịch vụ nối mạng Internet với vận tốc 64Kb/giây - 2Mb/giây. Mạng Internet chính thức hoạt động từ 1997, đến nay đã có khoảng 60.000 người sử dụng, với 01 nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet và 05 nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Công nghiệp công nghệ thông tin nước ta còn rất nhỏ bé. Tổng giá trị năm 1997 là 156 triệu USD, năm 2000 dự kiến là 235 triệu USD, trong đó công nghiệp phần cứng là 83,4% (lắp ráp thiết bị CNTT), phần mềm 5% và dịch vụ là 11,6%. Hiện nay cả nước hiện có khoảng 25 công ty chuyên sản xuất và làm dịch vụ phần mềm với kinh nghiệm hoạt động lâu nhất là 10 năm và chỉ chiếm khoảng 35% thị trường nội địa. Tại Tp Hồ Chí Minh và Thủ Đô Hà Nội đang xây dựng các công viên phần mềm với diện tích khoảng 30ha mỗi nơi.

Về ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước và kinh tế đã thiết lập và bước đầu sử dụng hệ thống thông tin quản lý tại 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ở hầu hết các bộ, ngành. Đã đưa vào triển khai 06 cơ sở dữ liệu quốc gia. Bên cạnh đó đã hình thành một số hệ thống quản lý chuyên ngành và cung cấp dịch vụ, như: Tài chính, ngân hàng, hải quan, hàng không, bưu chính viễn thông, năng lượng, an ninh và quốc phòng,...

Trong các năm qua chúng ta đang tích cực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia, bên cạnh đó đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý kinh tế-xã hội và bước đầu xây dựng nền móng cho công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm: công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin.

Xu thế phát triển 2001-2010: Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ phát triển hàng năm cao nhất so các khu vực khác, đặc biệt là ngành phát triển công nghiệp phần mềm. Tiếp tục xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia (kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công nghệ và kết cấu hạ tầng nội dung thông tin). Phát triển mạng thông tin quốc gia phủ toàn quốc với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt mức trung bình thế giới. Đặc biệt thiết lập tại khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghiệp phần mềm Quang Trung cổng kết nối trực tiếp với hệ thống Internet quốc tế với đường truyền có tốc độ cao, dung lượng lớn và giá cả phù hợp.

1.3. Thực trạng CNTT ở Cần Thơ: Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ đã được triển khai từ 1996 đến nay được kết quả như sau:

Về nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực CNTT: Nâng cao một bước nhận thức cho đội ngũ cán bộ viên chức và cộng đồng về vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong giai đoạn mới, giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và xu thế toàn cầu hóa. Việc nâng cao nhận thức về CNTT được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động, như: tham gia hội thi tin học trẻ không chuyên toàn quốc dành cho học sinh phổ thông, các hội thảo về CNTT, các lớp tập huấn về CNTT cho cán bộ lãnh đạo của tỉnh và lãnh đạo sở ban ngành tỉnh, huyện. Hai trung tâm đào tạo lớn Đại học Cần Thơ và Đại học Tài chính đã cho tốt nghiệp khoảng 650 cán bộ có trình độ đại học (1997-1999). Trung tâm đào tạo tư vấn và chuyển giao công nghệ của tỉnh đã đào tạo được 4.000 cán bộ viên chức của tỉnh đạt trình độ A và B về tin học. Bên cạnh đó trung tâm tin học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã bồi dưỡng kiến thức tin học cho 1.700 giáo viên và học sinh của ngành.

Truyền thông và mạng: Xây dựng bước đầu cơ sở hạ tầng CNTT, bao gồm hình thành một số mạng cục bộ ở một số ban ngành tỉnh, như: VP UBND tỉnh, VP Tỉnh ủy, VP Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, VP Sở Tài chính Vật giá, VP sở Kế hoạch và Đầu tư,... Từ mạng LAN, một số Sở, ngành đã hình thành mạng diện rộng để kết nối với các đơn vị trực thuộc ở các huyện thị, thông qua mạng điện thoại. Bên cạnh đó, một số đơn vị cũng tham gia mạng diện rộng chuyên ngành, như mạng diện rộng của Chính phủ, mạng diện rộng của Văn phòng Trung ương Đảng, mạng diện rộng của Bộ Thương mại,... Nâng số máy tính hiện có trên địa bàn từ 2.000 cái (1996) lên 4.500 cái (2000).

Việc tham gia mạng Internet còn chưa phổ biến ở các sở ban ngành tỉnh, trong đó lý do chủ yếu là giá cả truy cập và cước điện thoại còn quá cao chưa phù hợp với thu nhập của người dân và kinh phí cho hoạt động của cơ quan. Nguyên nhân thứ hai là tốc độ đường truyền chậm, thậm chí đôi khi còn bị nghẽn. Bên cạnh việc khai thác thông tin trên Internet, tỉnh đã chuẩn bị tham gia vào việc đưa thông tin lên mạng bằng việc xây dựng một số trang WEB như: Website Cần Thơ tiềm năng và phát triển (kêu gọi đầu tư bằng hai thứ tiếng), Website Cần Thơ 25 năm (tổng hợp số liệu thống kê của tỉnh), Website Cần Thơ (giới thiệu chung về tỉnh), Website du lịch Cần Thơ,...

Xây dựng công nghiệp CNTT: Thị trường CNTT của tỉnh còn nhỏ bé, khách hàng chính của công nghiệp CNTT tỉnh Cần Thơ là các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhà nước, xí nghiệp liên doanh hoặc xí nghiệp 100% vốn nước ngoài. Mặc dù vậy, đã xuất hiện một số doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân trong việc nhập phụ tùng, linh kiện để lắp ráp máy vi tính. Quy mô các doanh nghiệp đều nhỏ. Đa số các máy tính được lắp ráp chưa có hệ thống kiểm tra chất lượng. Việc đăng ký chất lượng và nhãn hiệu hàng hóa của sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Hoạt động sản xuất phần mềm ở Cần Thơ chủ yếu được thực hiện bằng các nhóm nhỏ từ 2-3 người, theo đơn đặt hàng của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề cụ thể, đặc thù. Số lượng các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin khoảng trên 10 đơn vị. Còn trong lĩnh vực dịch vụ CNTT thì nhiều cơ sở với hoạt động chủ yếu: đào tạo, huấn luyện, dịch vụ Email, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống kỹ thuật, tạo lập website,...

Ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước và lĩnh vực kinh tế xã hội: Đây là lĩnh vực phát triển nhanh nhất trong những năm qua. Đến nay, hầu hết các cơ quan ban ngành tỉnh đều được trang bị máy tính, ngoài nhiệm vụ chủ yếu soạn thảo văn bản, một số ít các máy tính còn được sử dụng cho việc khai thác các phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

Các dự án tin học được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đề ra. Một số đơn vị do nhu cầu công việc đã xây dựng những cơ sở dữ liệu cho đơn vị mình. Đến nay đã hình thành những cơ sở dữ liệu ban đầu, tạo tiền đề cho việc hình thành kho dữ liệu của tỉnh.

Cơ sở dữ liệu nhân hộ khẩu của tỉnh: Công an tỉnh thực hiện và quản lý.
Cơ sở dữ liệu đội ngũ công chức viên chức: Ban TCCQ thực hiện.
Cơ sở dữ liệu kinh tế xã hội của tỉnh: Sở KH&ĐT, Cục TK.
Cơ sở dữ liệu đất đai: Sở Địa chính thực hiện và quản lý.
Cơ sở dữ liệu điều kiện tự nhiên: Sở KHCN&MT thực hiện và quản lý.
Cơ sở dữ liệu tài chính: Sở Tài chính Vật giá thực hiện và quản lý.

Một số công nghệ mới cũng được ứng dụng để phục vụ quản lý kinh tế xã hội, như: công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS) dùng để quản lý cơ sở hạ tầng của tỉnh: cầu đường, kinh mương, điện, trường học, nhà máy,... Hoặc ứng dụng GIS trong quản lý và kiểm soát việc khoan các giếng nước trên địa bàn tỉnh.

Một số doanh nghiệp đã ứng dụng mạnh mẽ CNTT để phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh, điển hình là xí nghiệp Liên hiệp Dược Hậu Giang đã thiết lập mạng diện rộng để quản lý các đại lý trên toàn quốc.

Kế hoạch tổng thể phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ được triển khai trong 5 năm (1996-2000). Tổng kinh phí trung ương đầu tư ước đạt 3,4 tỷ đồng, tổng kinh phí tỉnh đầu tư ước đạt 3,5 tỷ đồng. Mặc dù đầu tư còn hạn chế, nhưng đạt được một số kết quả khả quan: nâng cao nhận thức của cán bộ viên chức, học sinh và xã hội về CNTT. Một số lượng lớn cán bộ, viên chức, kỹ thuật viên được đào tạo. Số lượng kỹ sư CNTT được đào tạo tăng nhanh. Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu: máy tính,

mạng cục bộ, mạng diện rộng, cơ sở dữ liệu,... được xây dựng và trang bị đã bắt đầu hình thành thói quen làm việc với máy tính.

Tuy nhiên, so với kế hoạch đã đề ra, còn nhiều tồn tại và vấn đề phải quan tâm giải quyết và khắc phục trong thời gian tới:

Nhận thức về công nghệ thông tin: Kinh nghiệm triển khai các dự án CNTT trong những năm qua đã cho thấy, ở nơi nào cán bộ lãnh đạo nhận thấy vai trò quan trọng của CNTT thì nơi đó các dự án được triển khai tốt. Do đó việc thành bại của các dự án CNTT do yếu tố lãnh đạo quyết định là chính.

Vì vậy, nhu cầu đào tạo và nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước là hết sức cần thiết trong những năm tới. Do đó, cần chú trọng trong việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cấp hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh (Đảng và chính quyền) về vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, và quá trình hội nhập với các nước trong khu vực. Đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định cho việc thành công của sự nghiệp phát triển CNTT ở tỉnh.

Hiệu quả sử dụng máy tính chưa cao: Tuy bước đầu xây dựng được cơ sở kỹ thuật của kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng và chính quyền. Nhưng việc triển khai sử dụng hạ tầng kỹ thuật chưa hiệu quả, phần lớn máy tính được dùng thay cho máy đánh chữ, chỉ có số ít (máy đơn hoặc tham gia mạng cục bộ) được sử dụng cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Việc xây dựng các mạng Intranet cho nội bộ các cơ quan, ban, ngành còn bỏ ngỏ, do chưa có thiết kế tổng thể về phần cứng cũng như hệ thống thông tin nội bộ trên mạng. Ngành bưu điện cũng có nhiều cố gắng trong việc thiết lập đường truyền chất lượng cao với cáp quang. Các mạng cục bộ vẫn sử dụng đường truyền cáp đồng trục hoặc sau này là cáp xoắn.

Hiệu quả sử dụng các mạng máy tính còn thấp: Một thiếu sót rất lớn là thiếu quan tâm đúng mức tới nội dung thông tin. Do đó dẫn đến hiện tượng: có đường truyền, hoặc có thiết lập mạng cục bộ hay mạng diện rộng, nhưng không có nội dung trao đổi. Chưa hình thành thói quen chia sẻ thông tin giữa các cơ quan ban ngành tỉnh. Vẫn còn tình trạng thông tin bị chia cắt. Việc tạo nguồn và chuẩn hóa thông tin trong quá trình phát triển kinh tế xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, còn tình trạng thiếu thông tin cung cấp cho các nhà quản lý, cũng như các nhà đầu tư. Các thông tin mới chưa được chuẩn hóa nên không thể tích hợp được.

Chưa có chuẩn thống nhất cho các hệ thống thông tin trong tỉnh: Thực tế khảo sát các phần mềm cũng như một số hệ thống thông tin chuyên ngành của một số ban ngành trong tỉnh cho thấy tình trạng không thống nhất giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh dẫn đến tình trạng khó khăn trong trao đổi, chia sẻ cũng như tích hợp thông tin. Đơn cử một ví dụ nhỏ: Việc sử dụng font chữ Việt. Mặc dù phần lớn đã dùng font chữ ABC, nhưng cũng còn một số nơi dùng Font VNI, hoặc Font khác, dẫn đến khó khăn trong trao đổi, chia sẻ và tích hợp thông tin.

Các cơ sở dữ liệu ít được quan tâm xây dựng: Vì vậy cần quan tâm hơn nữa tới việc xây dựng các cơ sở dữ liệu trên cơ sở chuẩn hóa để tiến tới việc tích hợp và trao đổi thông tin trên mạng. Song song đó đặc biệt là vấn đề cập nhật thông tin cho các CSDL. Có nhiều cơ sở dữ liệu khi xây dựng đạt chất lượng khá tốt, tốn nhiều công sức, nhưng sau đó do không được chú ý cập nhật (chủ yếu là cơ chế, chế độ chính sách không phù hợp) nên CSDL “không thể sống được”. Như cơ sở dữ liệu cán bộ KHK, Website Cần Thơ tiềm năng và triển vọng, CSDL về công chức viên chức, CSDL về tài chính,... Bên cạnh đó, việc khai thác dữ liệu sẵn có trên Internet ở các cơ quan Đảng và Nhà nước chưa thật sự được chú ý đúng mức. Một phần do giá cả truy cập và cước phí còn quá cao, mặt khác trình độ ngoại ngữ còn hạn chế và thật sự chưa tạo được nhu cầu và thói quen lấy thông tin trên mạng Internet. Ngoại trừ một số doanh nghiệp hay cơ quan nghiên cứu do yêu cầu của bản thân. Việc hoàn thiện và nâng cấp các mạng cục bộ cũng như mạng diện rộng để tiến tới xây dựng mạng Intranet (mô phỏng Internet) cho nội bộ các cơ quan ban ngành của tỉnh là hết sức cần thiết trong những năm tới. Có thể nói rằng trong 5 năm tới, nếu chúng ta không chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng về thông tin: đường truyền, thiết bị nối mạng, hệ thống thông tin trên mạng và đội ngũ chuyên viên thì chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội rất lớn về đầu tư nước ngoài cũng như cơ hội trở thành trung tâm dữ liệu của ĐBSCL.

Việc bảo mật thông tin trên mạng chưa được quan tâm đúng mức: Hiện nay, UBND tỉnh, cũng như các sở ban ngành mới chỉ có qui định việc bảo mật thông tin chung chung, mà chưa có qui định cụ thể, cũng như cách thức bảo mật cụ thể thông tin trên mạng. Do đó các mạng cục bộ cũng như mạng diện rộng trong tỉnh phần lớn chưa có phương án bảo mật thông tin trên mạng. Hiện nay chưa có vấn đề nghiêm trọng xảy ra là do cơ sở dữ liệu chưa nhiều, việc trao đổi thông tin cũng như khai thác thông tin trên các mạng trong tỉnh chưa diễn ra thường xuyên với mật độ cao.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực mới chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận các kỹ sư tốt nghiệp khoa công nghệ thông tin ở các trường đại học và phổ cập tin học văn phòng cho cán bộ viên chức của tỉnh. Như chúng ta biết nguồn nhân lực CNTT quyết định sự thành bại của sự nghiệp phát triển CNTT trước mắt cũng như lâu dài. Với cách làm như thời gian vừa qua, chúng ta chỉ dừng ở mức tiếp nhận các thành tựu về CNTT ở mức người sử dụng với trình độ tối thiểu và không thể phát triển công nghệ thông tin thành ngành công nghiệp CNTT. Do đó trong những năm tới, cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực CNTT để đưa CNTT thành ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao như mục tiêu của Đảng và Chính phủ đưa ra. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực CNTT để có đội ngũ chuyên viên về CNTT (chuyên viên phân tích hệ thống, chuyên viên lập trình, chuyên viên quản trị dự án,...) sẵn sàng thực hiện việc sản xuất hay gia công phần mềm và tiến tới xuất khẩu lao động về CNTT.

Với cơ sở kỹ thuật CNTT ban đầu được xây dựng ở các cơ quan Đảng, chính quyền và các doanh nghiệp, cần tiếp tục đẩy mạnh và khuyến khích sử dụng CNTT trong các hoạt động quản lý điều hành Nhà nước và sản xuất kinh doanh. Việc làm này vừa nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, vừa nâng cao năng lực quản lý, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa đáp ứng nhu cầu hội nhập trong thập niên đầu của thế kỷ 21. Cơ quan Đảng, chính quyền và doanh nghiệp nhà nước phải đi đầu, gương mẫu trong việc ứng dụng CNTT. Đồng thời phải là khách hàng của thị trường CNTT tỉnh Cần Thơ. Có như vậy mới tạo điều kiện và cơ hội cho sự phát triển của doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực CNTT, đồng thời tạo nền móng cho sự hình thành và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, mà trước hết là công nghiệp phần mềm.

1.2. Nhu cầu phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ

Vấn đề phát triển CNTT ở tỉnh Cần Thơ không phải là việc áp đặt chủ quan theo ý chí của các nhà lãnh đạo, mà xuất phát từ nhu cầu khách quan của nền kinh tế xã hội tỉnh Cần Thơ. Dưới đây sẽ trình bày những nhu cầu chủ yếu xuất phát từ nội bộ nền kinh tế xã hội và từ bên ngoài tác động vào.

2.1. Vị trí địa lý của tỉnh Cần Thơ: Do vị trí địa lý kinh tế-xã hội, nên trên địa bàn tỉnh có nhiều trụ sở của các cơ quan, doanh nghiệp trung ương. Các cơ quan này không chỉ phục vụ cho nhu cầu của tỉnh Cần Thơ mà phục vụ cho nhu cầu của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, như: hệ thống các ngân hàng (ngân hàng Á Châu, ngân hàng Hàng hải, VietComBank, Ngân hàng phát triển nông nghiệp, ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL,...), văn phòng đại diện các báo (Nhân dân, Lao động, Quân đội nhân dân, Thông tấn xã Việt nam, Đại đoàn kết,...), Quân khu 9, phòng Thương Mại Công nghiệp Việt Nam, cảng quốc tế Cần Thơ, sân bay Trà Nóc,...). Do yêu cầu công việc, dẫn đến xuất hiện nhu cầu thiết kế hệ thống thông tin, thiết lập mạng thông tin cùng với việc xây dựng các cơ sở dữ liệu và một số dịch vụ thông tin chuyên ngành của các trung tâm đầu mối để phục vụ cho công tác quản lý điều hành. Do đó tất yếu sẽ hình thành nhu cầu đòi hỏi phát triển công nghệ thông tin hiện đại để đáp ứng yêu cầu quản lý. Đặc biệt sự xuất hiện của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, như: MekoFood, Pattaya Food, Total Gas, và các khu công nghiệp chế xuất mà hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh luôn dựa trên nền tảng công nghệ thông tin cũng tạo ra nhu cầu đòi hỏi sự phát triển công nghệ thông tin của tỉnh. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của vùng thì nhu cầu đòi hỏi phát triển công nghệ thông tin càng lớn. Chính điều này tạo ra một thị trường công nghệ thông tin đầy hứa hẹn.

2.2. Vai trò của Cần Thơ đối với các tỉnh trong khu vực: Là tỉnh ở vị trí trung tâm của ĐBSCL, được xác định là trung tâm kinh tế của vùng cùng với lợi thế của khoa công nghệ thông tin trường Đại học Cần Thơ và Bưu điện Cần Thơ, thì ngoài việc phát triển CNTT cho sự phát triển của chính bản thân mình, tỉnh Cần Thơ còn có nghĩa vụ giúp các địa phương trong khu vực phát triển CNTT. Chính điều này đòi hỏi Cần Thơ phải nỗ lực phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin để không chỉ đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của mình, mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển của các tỉnh bạn.

2.3. Nhu cầu của công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế tỉnh: cùng với nhu cầu phát triển các khu công nghiệp tất yếu đòi hỏi sự phát triển CNTT để phục vụ cho điều hành sản xuất kinh doanh. Với việc xây dựng các công trình hạ tầng, như: cảng Cần Thơ, cầu Cần Thơ,... và việc phát

triển các khu công nghiệp Trà Nóc, Hưng Phú,... kéo theo các nhà đầu tư nước ngoài, thì một nhu cầu tất yếu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước về cơ sở hạ tầng CNTT cũng như đội ngũ kỹ thuật viên CNTT là rất lớn. Việc cung cấp các dữ liệu trong tỉnh trong vùng cho các nhà đầu tư cũng như nhu cầu về đường truyền dữ liệu tốc độ cao sẽ góp phần đáng kể trong việc thu hút các nhà đầu tư vào tỉnh Cần Thơ.

2.4. *Nhu cầu của sự hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực:* Việt Nam tham gia ASEAN và việc ký kết hiệp định thương mại Việt Mỹ cũng như việc xóa hàng rào thuế quan trong những năm tới theo yêu cầu của AFTA sẽ tác động mạnh mẽ tới các doanh nghiệp ở Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung. Vì vậy, nhu cầu hội nhập của các ngành kinh tế xã hội của tỉnh đối với các nước trong khu vực và quốc tế là một tất yếu. Vì vậy, sẽ xuất hiện nhu cầu tìm kiếm, trao đổi thông tin, thương mại điện tử,... của các doanh nghiệp trong tỉnh. Từ đó mà xuất hiện nhu cầu phát triển công nghệ thông tin của tỉnh theo trình độ các nước khu vực để đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CNTT

Chương này chỉ trình bày những cơ sở pháp lý để xây dựng chương trình tổng thể phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ thời kỳ 2001-2005, bao gồm: các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước, như: Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định,... trong việc định hướng phát triển công nghệ thông tin trong kế hoạch 5 năm đầu tiên của thế kỷ 21 và những năm tiếp theo trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II.1. Định hướng của Đảng và Nhà nước:

Đảng và Chính phủ đã sớm nhìn thấy vai trò chiến lược và tầm quan trọng của công nghệ thông tin đối với tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ngay từ năm 1975, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 173-CP về việc tăng cường ứng dụng toán học và máy tính điện tử trong quản lý Nhà nước. Năm 1976, Chính phủ ra tiếp Nghị quyết số 246-CP về việc tăng cường quản lý và sử dụng máy tính điện tử trong cả nước. Năm 1981, Bộ chính trị đã ra nghị quyết số 37/NQ về phát triển khoa học kỹ thuật, trong đó nêu rõ: hết sức chú trọng phục vụ thông tin cho lãnh đạo và quản lý, đúng nhu cầu và bằng những hình thức thích hợp. Góp phần nâng cao chất lượng quyết định của các cấp. Từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước đã liên tục ban hành các nghị quyết, chỉ thị để tạo điều kiện phát triển công nghệ thông tin ở nước ta, cụ thể:

- Nghị quyết số 49/NQ-CP, ngày 04/8/1993 của Chính phủ về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90. Nghị quyết chỉ rõ: “ Mục tiêu xây dựng và phát triển CNTT ở nước ta đến năm 2000 là: Xây dựng những nền móng bước đầu vững chắc cho một kết cấu hạ tầng về CNTT trong xã hội có khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản về thông tin trong quản lý Nhà nước và trong các hoạt động kinh tế xã hội, đồng thời tích cực xây dựng ngành công nghiệp CNTT thành một trong những ngành mũi nhọn của đất nước, góp phần chuẩn bị cho nước ta có vị trí xứng đáng trong khu vực khi bước vào thế kỷ 21.

- Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 12/10/1994 của Thủ Tướng Chính phủ về việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính của văn phòng chính phủ, trong đó nêu rõ: Cần Thơ là 1/10 tỉnh được nối mạng với văn phòng chính phủ.
- Quyết định số 211/QĐ-TTg, ngày 07/4/1995 của Thủ Tướng chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển CNTT ở nước ta đến năm 2000.
- Quyết định số 123/1999/QĐ-TTg ngày 11/5/1999 của Chính phủ về việc thành lập ban chỉ đạo Chương trình Kinh tế-Kỹ thuật về CNTT
- Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05/6/2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000-2005. Nghị quyết chỉ rõ mục tiêu phải đạt là: Xây dựng công nghiệp phần mềm thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng cao, góp phần hiện đại hóa và phát triển bền vững các ngành kinh tế xã hội, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước và đảm bảo an ninh quốc gia. đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cao cho những thập kỷ tới và phấn đấu tới 2005 công nghiệp phần mềm đạt giá trị sản lượng khoảng 500 triệu USD.
- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ thị nêu rõ: Đến năm 2010, CNTT Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực với các chỉ tiêu cơ bản sau: CNTT được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế xã hội, mạng thông tin quốc gia phủ trên cả nước, tỉ lệ người sử dụng Internet đạt mức trung bình thế giới và công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao nhất so với các khu vực khác.
- Quyết định số 128/2000/QĐ-TTg Ngày 20/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp phần mềm. Quyết định nêu rõ những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu; ưu đãi về tín dụng, về sử dụng đất và thuê đất; các biện pháp tăng cường bảo hộ quyền tác giả đối với phần mềm; được ưu đãi trong đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời được nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ về dịch vụ viễn thông và Internet.

II.2. Định hướng của tỉnh:

Cùng xu thế chung của cả nước, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Cần Thơ đã sớm nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết khách quan và tính khoa học của công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội. Chính vì vậy, ngay từ những năm 80, Cần Thơ đã là một trong những tỉnh sớm sử dụng máy vi tính trong lĩnh vực quản lý kinh tế và sản xuất kinh doanh. Tiếp theo đó, tỉnh đã có một loạt văn bản để chỉ đạo việc phát triển công nghệ thông tin ở Cần Thơ, cụ thể:

- Tháng 5/1993, UBND tỉnh Cần Thơ đã giao nhiệm vụ cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện chương trình tin học của tỉnh, với mục tiêu ứng dụng tin học trong quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh.
- Tháng 6/1995, tỉnh Cần Thơ đã thành lập Ban chỉ đạo phát triển CNTT của tỉnh, đồng thời giao nhiệm vụ cho sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường xây dựng kế hoạch phát triển tổng thể công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ giai đoạn 1996-2000.
- Tháng 11/1996 UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ giai đoạn 1996-2000, kèm theo nghị quyết về việc phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ trong những năm 90.
- Ngày 02/11/2000, UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Khoa học, công nghệ và Môi trường và Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh thành lập trung tâm công nghệ phần mềm của Cần Thơ.
- Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ 10 đã khẳng định: Cần triển khai tốt Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị về CNTT. Trước mắt cần tập trung chỉ đạo và tập trung vốn hình thành trung tâm công nghệ phần mềm. Đồng thời quan tâm chỉ đạo đưa nhanh CNTT vào công tác quản lý kinh tế xã hội, quản lý Nhà nước và hệ thống Đảng, đoàn thể, quản lý doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CNTT

Kế thừa các quan điểm chỉ đạo trong kế hoạch tổng thể phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ 1996-2000 và trên cơ sở các nhu cầu mới của việc phát triển CNTT trong giai đoạn mới, thì quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển CNTT thời kỳ 2001-2005 sẽ là:

III.1. Quan điểm chỉ đạo

Phát triển CNTT trên cơ sở hợp tác và tiếp nhận công nghệ mới, đẩy mạnh công tác triển khai ứng dụng là chính kết hợp nghiên cứu phát triển (R-D), cần đào tạo phát triển nguồn nhân lực CNTT theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế để trở thành nơi gia công và sản xuất phần mềm cho các trung tâm trong nước, các nước trong khu vực, tiến tới xuất khẩu phần mềm và xuất khẩu lao động có tay nghề cao.

Phát triển CNTT phải hướng vào các lĩnh vực quản lý nhà nước kinh tế - xã hội - văn hóa - giáo dục và an ninh quốc phòng, để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quản lý điều hành của các hoạt động hành chính, sản xuất kinh doanh và dịch vụ. CNTT là chương trình kỹ thuật - kinh tế ưu tiên của tỉnh là cơ sở hạ tầng thông tin cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, đồng thời là nền tảng cho việc hòa nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Phát triển CNTT theo hướng xã hội hóa, tạo điều kiện và khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân phát triển CNTT. Cơ quan Đảng và Nhà nước phải đi tiên phong trong lĩnh vực này và trở thành khách hàng của thị trường CNTT nội địa.

III.2. Mục tiêu phát triển

Vận dụng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước để tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho phát triển CNTT trên cơ sở ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại và đào tạo phát triển nguồn nhân lực để có khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản về thông tin trong quản lý Nhà nước, trong các hoạt động kinh tế xã hội và của công dân, góp phần chuẩn bị cho tỉnh bước vào hội nhập kinh tế trong khu vực và tiến tới nền kinh tế tri thức.

Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao nhận thức về CNTT cho các tầng lớp trong xã hội, đặt biệt chú trọng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp, cán bộ công chức viên chức và cho học sinh phổ thông.

- Vận dụng các chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân phát triển CNTT

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng thông tin trong nội bộ cơ quan doanh nghiệp

- + Kết cấu hạ tầng kỹ thuật (trục xương sống và các thiết bị nối mạng)
- + Công nghệ mạng (bao gồm mạng: cục bộ và nội bộ Intranet)
- + Kết cấu hạ tầng nội dung thông tin
- + Phát triển Internet (đưa thông tin lên mạng, xây dựng các Website của tỉnh và một số ban ngành: địa chính, giáo dục, Văn hóa thông tin, Thống kê, KHCN&MT, KH&ĐT, Du lịch, Công nghiệp...).

-Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT và ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm. Xây dựng trung tâm phần mềm của tỉnh tiến tới xây dựng công viên phần mềm tạo tiền đề cho phát triển công nghiệp phần mềm.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu triển khai và ứng dụng CNTT trong hoạt động lãnh đạo quản lý điều hành kinh tế xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

- Xây dựng nhà máy lắp ráp thiết bị tin học tiến tới sản xuất một số chi tiết để tăng tỉ lệ nội địa hóa sản phẩm.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CNTT

Nhằm khắc phục các tồn tại được trình bày ở chương I và để đạt được các mục tiêu như trình bày ở phần chương III, chương trình phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005, sẽ bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

IV.1. Nâng cao nhận thức về CNTT trong tỉnh, đặc biệt cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp.

Trên kết quả thực tế việc thực hiện CNTT tỉnh Cần Thơ thời gian qua cho thấy: để việc ứng dụng và phát triển CNTT thành công ở các cơ quan ban ngành tỉnh, đồng thời trở thành hoạt động thường xuyên và có hiệu quả thì việc nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vai trò của CNTT và đặc biệt là nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo đảng và chính quyền là hết sức cần thiết và quan trọng. Việc nâng cao nhận thức sẽ bao gồm các hoạt động sau:

Sử dụng các hình thức và phương tiện thông tin để phổ biến các kiến thức về CNTT và xã hội thông tin. Tập trung tổ chức thường xuyên các khóa báo cáo về CNTT.

Tổ chức các kênh thông tin với những thông tin chọn lọc về xu hướng phát triển, ảnh hưởng, tầm quan trọng và khả năng của CNTT hỗ trợ các lĩnh vực và các hoạt động khác nhau.

Cung cấp các thông tin về Chiến lược và chính sách CNTT của các nước, của Việt Nam và kế hoạch phát triển CNTT của các trung tâm lớn, như: Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh cho lãnh đạo các cấp.

Tạo điều kiện cho cán bộ của tỉnh có thể tiếp cận thông tin bên ngoài, tham quan các trung tâm CNTT trong nước và tham gia các hoạt động CNTT trong vùng, trong nước hoặc trong khu vực.

IV.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm.

Kinh nghiệm phát triển CNTT trên thế giới cho thấy, để phát triển CNTT không có nghĩa là Nhà nước phải đầu tư thật nhiều vào lĩnh vực này, mà quan trọng là tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân phát triển CNTT. Vì vậy, trong điều kiện của Cần Thơ, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Nhà nước ban hành để khuyến khích đầu tư trong nước cũng như phát triển CNTT, thì vai trò của chính quyền địa phương là vận dụng sao cho phù hợp tình hình thực tế địa phương để phát huy nguồn nội lực trong tỉnh cũng như thu hút các nguồn lực bên ngoài (kể cả nguồn lực của người Việt sinh sống ở nước ngoài) để phát triển CNTT.

Việc tạo môi trường thuận lợi bao gồm các vấn đề sau đây:

Cung cấp thông tin: Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân được sử dụng các thông tin công và trao đổi thông tin với các đối tác bên ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống mạng nội bộ theo chuẩn Intranet (mô phỏng Internet) với hệ thống thông tin phong phú, tạo điều kiện dễ dàng truy cập thông tin trong tỉnh thông qua hệ thống Intranet trong tỉnh

Chuẩn hóa thông tin: Trên cơ sở qui định của Chính phủ về chuẩn hóa các loại thông tin cho hoạt động điều hành quản lý của Nhà nước, tỉnh cần nghiên cứu ban hành các chuẩn thông tin trong hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý của địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh cũng cần có qui định để các cơ quan ban ngành Đảng, Nhà nước và đoàn thể phải xây dựng các nguồn thông tin của mình.

Đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực: Đa dạng hóa và xã hội hóa tối đa các loại hình đào tạo về CNTT, kể cả việc hợp tác với nước ngoài để mở trung tâm đào tạo tại Cần Thơ.

Tăng cường gọi người đi đào tạo (đối tượng là các cử nhân, kỹ sư, cao đẳng và cao học CNTT, cán bộ quản lý am hiểu về CNTT) ở các trung tâm CNTT lớn trong nước và nước ngoài bằng kinh phí của địa phương. Tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp gọi người đi đào tạo theo học bổng của nước ngoài. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đi học ở nước ngoài về CNTT bằng nguồn vốn của mình.

Tạo điều kiện để những người được đào tạo về CNTT có việc làm thông qua chương trình, kế hoạch phát triển CNTT của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn CNTT cho các việc xây dựng và triển khai các dự án CNTT. Cần tạo điều kiện để các cán bộ CNTT có thể gặp mặt, trao đổi kinh nghiệm cũng như tham khảo tài liệu để tự hoàn thiện và nâng cao trình độ thông qua các hoạt động báo cáo khoa học, hội thảo, báo cáo chuyên đề ở câu lạc bộ CNTT hoặc ở Hội tin học Cần Thơ (sử dụng trung tâm thông tin hay trung tâm phần mềm của tỉnh). UBND tỉnh nên có qui định bắt buộc các công chức viên chức hiện có (sẽ có qui định giới hạn tuổi) phải có kiến thức tối thiểu về CNTT và sử dụng máy tính cho công việc của bản thân. Đồng thời số tuyển dụng mới bắt buộc phải có kiến thức tối thiểu về CNTT (trình độ A).

Bảo hộ sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả: Thực hiện nghiêm ngặt việc bảo hộ trí tuệ và bản quyền tác giả, đặc biệt là đối với sản phẩm phần mềm. Các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể và các doanh nghiệp nhà nước phải gương mẫu chấp hành các văn bản pháp luật Nhà nước về bảo hộ sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả.

Qui định về mua sắm, sử dụng trang thiết bị và dịch vụ CNTT của các cơ quan sử dụng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Để đảm bảo việc mua sắm và khai thác các trang thiết bị CNTT bằng nguồn vốn ngân sách có hiệu quả. Trên cơ sở qui định của Nhà nước, UBND tỉnh cần có qui định chi tiết về việc mua sắm và sử dụng trang thiết bị và dịch vụ về CNTT đối với các đối tượng sử dụng nguồn vốn từ ngân sách của Nhà nước.

Đầu tư nghiên cứu và triển khai CNTT: nguồn vốn từ ngân sách của nhà nước chỉ được đầu tư cho các nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai quan trọng nhằm thực hiện các dự án CNTT và xây dựng tiềm lực CNTT của tỉnh. Bên cạnh đó ngân sách của tỉnh dành một phần hỗ trợ cho việc

xây dựng trung tâm thông tin của tỉnh. Trong trung tâm này có một tòa nhà để phát triển công nghệ phần mềm của tỉnh.

Hàng năm, tỉnh phải dành một phần kinh phí thích đáng để ứng dụng các thành tựu của CNTT trong lĩnh vực hoạt động của mình trên cơ sở kế hoạch phát triển CNTT giai đoạn 2001-2005. Tỉnh cần có qui định để ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT trong nước, bên cạnh đó khuyến khích các tổ chức và cá nhân ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động của mình.

Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cho công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm:

Trong khi chờ đợi Chính phủ ban hành các chính sách ưu đãi để thúc đẩy và hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, tỉnh Cần Thơ cần vận dụng các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tự đầu tư phát triển và ứng dụng CNTT dưới mọi hình thức và bằng mọi nguồn vốn. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài lập liên doanh hay lập công ty 100% vốn nước ngoài trong lĩnh vực CNTT ở Cần Thơ. Tỉnh cần kiến nghị Chính phủ cho phép có cổng riêng kết nối Internet ở khu công nghiệp Trà Nóc và ở Cần Thơ (tại Trung tâm phần mềm của tỉnh), đồng thời, tăng dung lượng đường truyền dữ liệu từ 2Mb/s lên 4Mb/s.

UBND tỉnh cần xây dựng chính sách và biện pháp để thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư và tham gia phát triển CNTT và các dịch vụ CNTT ở Cần Thơ.

Do công nghiệp phần mềm không đòi hỏi quá nhiều về cơ sở hạ tầng truyền thống, như: đường xá, nước, sân bay, bến cảng, nhà kho,... nhưng lại có yêu cầu rất cao về viễn thông (đường truyền số liệu), kết nối Internet và điện, kể đó là địa điểm làm việc. Vì vậy, tỉnh cần hỗ trợ mặt bằng với diện tích trước mắt khoảng 01hecta và kinh phí để xây dựng nhà làm việc (bước đầu khung tiền chế), hệ thống cung cấp điện, hệ thống viễn thông và cổng kết nối Internet với đường truyền 2Mb/giây-4Mb/giây để cho các tổ chức phần mềm thuê với giá ưu đãi. Không có hệ thống viễn thông hiện đại, không có dịch vụ truyền số liệu chất lượng cao và cổng kết nối Internet với giá rẻ thì không thể phát triển công nghiệp phần mềm.

IV.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin

Về mạng và Internet: Trên cơ sở mạng viễn thông tiên tiến, hiện đại có dung lượng, tốc độ và tính hiệu quả cao do Nhà nước xây dựng, tỉnh cần thiết phải xây dựng mạng Intranet của mình đảm bảo kết nối với mạng cục bộ của tất cả các cơ quan, ban ngành trong tỉnh và các địa phương. Bên cạnh đó thông quan cổng Internet tại Cần Thơ sẽ kết nối mạng Intranet của tỉnh với mạng Internet.

Về mạng nội bộ: các cơ quan ban ngành cũng phải có mạng Intranet riêng của mình dựa vào thiết kế tổng thể của tỉnh cho tới các cơ quan ban ngành trong tỉnh. Trong đó, các hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị nối mạng và hệ thống thông tin trên mạng cần được quan tâm đầu tư. phát triển mạng nội bộ trong các cơ quan ban ngành của tỉnh. Mạng nội bộ sẽ thông qua một máy tính làm nhiệm vụ truyền thông để kết nối với mạng Intranet của tỉnh và đi vào Internet

Về dịch vụ: Thông qua mạng Intranet, đảm bảo để mọi tổ chức, cá nhân có thể truy cập các thông tin công phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, đồng thời tiến tới thiết lập các thư viện điện tử ở các huyện, thị trấn trong tỉnh. Trước mắt thí điểm thư viện điện tử tại một số trường phổ thông trung học.

Về Internet: khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan nghiên cứu, tổng hợp và nghiệp vụ của tỉnh sử dụng Internet để phục vụ cho công tác chuyên môn của mình. Đồng thời tạo điều kiện cho các trường phổ thông trung học sử dụng Internet. Để tạo cho học sinh làm quen và biết sử dụng Internet. Trước mắt, cần chọn một số trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật làm thí điểm.

IV.4. Xây dựng các cơ sở dữ liệu và hệ thống tin điện tử của tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện các cơ sở dữ liệu đã được xây dựng trong thời kỳ 1996-2000. Đây là những cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh nhằm phục vụ các nhu cầu quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và các nhu cầu về thông tin của công dân.

Ngoài ra, trong thời kỳ 2001-2005, tỉnh Cần Thơ cần thiết phải xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin cụ thể sau đây:

Cơ sở dữ liệu đất đai (thổ nhượng), thủy lợi, ngập,... phục vụ phát triển nông nghiệp.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và giám sát môi trường phục vụ công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

Cơ sở dữ liệu cơ sở hạ tầng đô thị phục vụ cho công việc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ cho quản lý dân cư và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

Cơ sở dữ liệu phục vụ hệ thống tư pháp, bao gồm: quản lý tội phạm, quản lý án hình sự, kinh tế,... quản lý dân quân tự vệ, quân nhân dự bị,... Quản lý hộ tịch,...

Cơ sở dữ liệu về giáo dục và dạy học các cấp

Cơ sở dữ liệu về các đối tượng hưởng chính sách thương binh liệt sĩ và người có công.

Cơ sở dữ liệu về các đối tượng hưởng chính sách hưu trí,...

Cơ sở dữ liệu về du lịch, về văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh

Cơ sở dữ liệu về địa chính

Xây dựng trang web của tỉnh nhằm mục đích phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin của các tổ chức, đoàn thể các nhà đầu tư nước ngoài và người Việt Nam sống ở nước ngoài.

Xây dựng thư viện điện tử ở cấp huyện để cung cấp các thông tin cần thiết cho vấn đề công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

IV.5. Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT và công nghiệp phần mềm:

Đào tạo và thường xuyên nâng cao nhận thức về CNTT: Khuyến khích việc mở các lớp đào tạo người sử dụng máy tính với các chương trình có tính chất thực hành ngắn hạn ở các trình độ khác nhau.

Trong năm năm (2001-2005), tất cả các cán bộ đương chức của tỉnh ở các cấp phải được bồi dưỡng và nâng cao kiến thức về CNTT. Tất cả các cán bộ nghiệp vụ của cơ quan ban ngành đoàn thể phải được đào tạo bồi dưỡng kiến thức về CNTT và biết sử dụng máy vi tính cho công việc của mình.

Đối với các cơ quan ban ngành có các cơ sở dữ liệu lớn và mạng nội bộ cùng hệ thống thông tin chuyên ngành thì bắt buộc phải có khung cán bộ theo chức năng: quản trị - xử lý thông tin - cung cấp và kiểm tra thông tin - nhập dữ liệu.

Xây dựng trung tâm thông tin của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ: đào tạo nâng cao nhận thức về CNTT cho đội ngũ cán bộ viên chức của tỉnh, cung cấp thông tin, tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa những người làm CNTT, nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, đồng thời cũng làm cơ sở để phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh.

Tuyển lựa từ số sinh viên đã tốt nghiệp đại học về CNTT đang làm việc tại tỉnh để đưa đi đào tạo tại các trung tâm CNTT trong và ngoài nước, nhằm mục đích phát triển đội ngũ chuyên gia CNTT đầu đàn của tỉnh. Đồng thời trở thành lực lượng nòng cốt để đào tạo đội ngũ trong tỉnh tiến tới xuất khẩu lao động công nghiệp phần mềm.

Đẩy mạnh việc bồi dưỡng và bổ túc kiến thức CNTT cho các thầy cô giáo mọi cấp học, đặc biệt chú trọng việc ứng dụng CNTT trong giáo dục và thực hiện tốt việc tham gia hội thi tin học không chuyên quốc gia trên cơ sở tổ chức hội thi tin học không chuyên trong trường phổ thông ở các cấp học.

Cần có chính sách khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài mang tri thức, công nghệ và vốn đầu tư đóng góp tích cực vào quá trình phát triển nhân lực CNTT tỉnh Cần Thơ.

IV.6. Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng về CNTT nhằm nắm bắt được các tiến bộ công nghệ đang diễn ra trên thế giới và trong khu vực, đồng thời có cơ sở để chọn lựa công nghệ trong triển khai thực hiện các dự án CNTT trên địa bàn tỉnh. Việc nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng về CNTT phải phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cụ thể là phải bám sát với sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành của tỉnh.

Nhà nước cần đầu tư cho hoạt động nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT để phục vụ cho hoạt động quản lý hành chính nhà nước của bộ máy công quyền. Việc đầu tư cho công tác nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng CNTT cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động dịch vụ tư do các công ty, xí nghiệp đầu tư.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở nghiên cứu triển khai và nghiên cứu ứng dụng về CNTT.

IV.7. Ứng dụng CNTT trong hoạt động lãnh đạo quản lý điều hành kinh tế xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh.

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân sử dụng CNTT trong các hoạt động của mình. Tuy nhiên, trong điều kiện tỉnh Cần Thơ, các lĩnh vực sau đây cần phải được ứng dụng CNTT, đó là:

Nâng cao trình độ quản lý, trình độ sử dụng CNTT ở các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể ở các huyện, thị, thành trong tỉnh và ở các doanh nghiệp có nhu cầu hội nhập kinh tế khu vực.

Sử dụng CNTT hỗ trợ tối đa việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh bằng việc cung cấp thông tin, ứng dụng tiếp thị, thương mại trên mạng,... Tỉnh cần đầu tư xây dựng trang Web để hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác tiếp thị, thương mại điện tử, quảng cáo,...

Sử dụng CNTT phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

IV.8. Xây dựng và phát triển công nghiệp CNTT, ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm.

Như đã trình bày ở chương I, thị trường CNTT ở tỉnh Cần Thơ và ĐBSCL còn nhỏ bé, nhưng trong những năm tới do nhu cầu hội nhập kinh tế, nhu cầu phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và nhu cầu của nền kinh tế đòi hỏi sự tăng trưởng mạnh về CNTT. Do đó việc xây dựng và phát triển công nghiệp CNTT là tất yếu và tập trung ở các lĩnh vực sau: tạo nền móng cho công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm và công nghiệp dịch vụ.

Công nghiệp phần cứng: Công nghiệp phần cứng chủ yếu ở giai đoạn này là lắp ráp các thiết bị CNTT, bao gồm: các máy vi tính, điện thoại, tivi, cassette, radio, Các sản phẩm sẽ phục vụ nhu cầu trong tỉnh và vùng ĐBSCL và hướng tới xuất khẩu trong những năm sau 2005. Để làm việc này, cần tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, doanh nghiệp hiện đang kinh doanh trong lĩnh vực này mở rộng qui mô sản xuất, trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm và nâng cao uy tín nhãn hiệu thương mại. Cần có sự hỗ trợ và giúp đỡ của nhà nước đối với các doanh nghiệp trong việc đăng ký nhãn hiệu thương phẩm. Bên cạnh đó cần thực hiện vai trò quản lý nhà nước về kiểm tra chất lượng máy tính lắp ráp ở tỉnh. Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thiết lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh để xây dựng nhà máy lắp ráp các thiết bị CNTT.

Công nghiệp phần mềm: Đây là một ngành công nghiệp mới với đặc trưng: có tính năng động rất cao, áp lực cạnh tranh là động lực cho sự phát triển và đổi mới. Đây cũng là ngành công nghiệp đòi hỏi sự sáng tạo rất cao, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật nghiêm dựa trên tinh thần tự giác, đồng thời lại đòi hỏi tính tự do sáng tạo rất lớn của mỗi cá nhân. Vì vậy, một công ty phần mềm có thể được khởi sự từ vài chuyên viên lập trình hoặc từ những nhà phát triển xuất sắc tự học, mà thiết kế sản phẩm đầu tiên của họ bởi các thiết bị và công cụ không đắt tiền ở nhà hoặc địa điểm khiêm tốn. Chính vì vậy, để tạo nền móng cho sự phát triển công nghiệp phần mềm của tỉnh, cần đầu tư ở hai hướng;

-Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp phần mềm: Trên cơ sở các chính sách ưu đãi cho phát triển CNTT của Nhà nước, tỉnh cần xây dựng cơ sở hạ tầng để cho các tổ chức phần

mềm thuê với giá rẻ. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng cho công nghiệp phần mềm lại không đòi hỏi đầu tư về kho tàng sân bay, bến cảng, hệ thống cầu đường, hệ thống xử lý chất thải,... như các ngành công nghiệp truyền thống. Điều kiện cần thiết cho cơ sở hạ tầng công nghiệp phần mềm là: hệ thống viễn thông hiện đại với đường truyền dữ liệu có tốc độ cao dung lượng lớn, kết nối Internet, điện năng ổn định về hiệu điện thế, tần số và nhà làm việc. Vì vậy tỉnh cần hỗ trợ mặt bằng và đầu tư để xây dựng mới hay cải tạo các khu cho các công ty, tổ chức phần mềm thuê giá rẻ. Việc làm này không chỉ kích thích sự phát triển các tổ chức phần mềm của tỉnh phát triển, mà còn kéo theo sự đầu tư của các tổ chức ở Tp Hồ Chí Minh hay các địa phương khác về đầu tư tại công viên phần mềm của tỉnh.

-Thành lập trung tâm phần mềm của tỉnh trong khi đang chờ đợi sự hình thành và đi vào hoạt động của công viên phần mềm. Trung tâm này là một tòa nhà, có nhiệm vụ cung cấp các thông tin cần thiết và giúp đỡ cho các tổ chức phần mềm trong việc đăng ký hoạt động cũng như quản lý công viên phần mềm của tỉnh. Ngoài ra, trung tâm cũng thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động hội thảo, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp trẻ để trao đổi kinh nghiệm nâng cao trình độ nghiệp vụ và tạo cơ hội cho các tài năng trẻ có thể bộc lộ các ý tưởng sáng tạo. Trung tâm phần mềm cũng được đầu tư để có được cổng kết nối Internet với đường truyền 2Mb/giây-4Mb/giây. Sau khi công viên phần mềm đi vào hoạt động trung tâm này sẽ chuyển thành trung tâm thông tin dữ liệu của tỉnh.

Công nghiệp dịch vụ: Các hoạt động dịch vụ bao gồm: tư vấn, cung cấp giải pháp, tích hợp hệ thống, lắp đặt, cài đặt, huấn luyện, hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì, nâng cấp, sửa chữa,...

IV.9. Nhu cầu tài chính cho chương trình phát triển CNTT

Tổng kinh phí cho chương trình phát triển CNTT thời kỳ 2001-2005 là 35,6 tỉ đồng, cao hơn kinh phí của kế hoạch tổng thể phát triển CNTT thời kỳ 1996-2000 (16,6 tỉ đồng) là 19 tỉ đồng. Số kinh phí này sử dụng cho các mục tiêu chủ yếu được nêu trong chương này.

Tổng kinh phí này bao gồm từ nhiều nguồn khác nhau, như: Bộ ngành trung ương, ngân sách tỉnh, nguồn vốn của các doanh nghiệp, của tư nhân, từ các khoản viện trợ và vay bên ngoài. (xem bảng dưới đây)

NHU CẦU KINH PHÍ TRONG GIAI ĐOẠN 2001-2005

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung hoạt động	Cộng (triệu)	Năm				
		2001	2002	2003	2004	2005
I. Xây dựng tiềm lực CNTT	15.600	3.100	3.550	3.600	3.150	2.200
1. Giáo dục - Đào tạo 1789	3.600	700	750	800	750	600
2. Xây dựng mạng dữ liệu 3	4.000	800	1.200	1.200	800	
3. Hoạt động R-D và hạ tầng 2 6	8.000	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
II. Ứng dụng CNTT	10.000	1.400	2.400	2.400	2.400	1.400
1. Xây dựng CSDL và ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực 45 11	10.000	1.400	2.400	2.400	2.400	1.400
III. Công nghiệp phần mềm	10.000	6.000	4.000			
1. Trung tâm công nghệ phần mềm	10.000	6.000	4.000			
Tổng cộng	35.600	10.500	9.950	6.000	5.550	3.600
Nguồn kinh phí						
- Từ Trung ương, Bộ và Ngành	3.560	1.050	995	600	555	360
- Ngân sách địa phương	14.240	4.200	3.980	2.400	2.220	1.440
- Các nguồn khác (ODA, tư nhân, . .)	17.800	5.250	4.975	3.000	2.775	1.800
Tổng cộng	35.600	10.500	9.950	6.000	5.550	3.600

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kinh nghiệm triển khai chương trình phát triển công nghệ thông tin của các nước trên thế giới cho thấy: Cho dù chương trình phát triển CNTT có đề ra các quan điểm, định hướng và nội dung thực

hiện đúng đến đâu, nhưng các giải pháp tổ chức thực hiện không tốt, thì không đảm bảo thành công của chương trình. Chính vì vậy, để chương trình phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005 được triển khai nhanh chóng và có hiệu quả, cần thực hiện tốt các giải pháp và phương án tổ chức dưới đây.

V.1. Các nhóm giải pháp thực hiện:

1.1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về CNTT: Triển khai kế hoạch học tập Chỉ thị 58/CT-TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong toàn tỉnh đảng bộ đề nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT trong thế kỷ 21 và quyết tâm của việc thực hiện thắng lợi đề án chương trình phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005. Thông qua học tập chỉ thị để làm thông suốt trong toàn Đảng bộ và chính quyền các cấp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của CNTT trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục đích học tập chỉ thị là làm cho từng đảng viên, từng cấp ủy và các cấp ủy trực thuộc, huyện ủy, Thị xã ủy, Thành ủy và các đoàn thể phải hiểu rõ và nắm bắt được tinh thần của Chỉ thị 58. Từ đó các cấp ủy có kế hoạch phối hợp với chính quyền trong việc triển khai thực hiện đề án chương trình phát triển CNTT ở đơn vị, địa phương mình. Đồng thời, thông qua học tập chỉ thị 58/CT-TW và Nghị quyết của tỉnh Đảng bộ lần thứ X về phát triển CNTT, từng đảng viên, cấp ủy được trang bị thêm nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của CNTT trong thế kỷ 21, thế kỷ của nền kinh tế tri thức.

Song song với việc nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của CNTT, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về CNTT cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Tùy theo đối tượng mà có các lớp cơ bản về CNTT, các lớp chuyên đề, như: Intranet, Internet, mạng cục bộ,...

Về phía chính quyền sau khi tổ chức nghiệm thu và thông qua chương trình phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ, cần có kế hoạch triển khai ngay. Trong quá trình triển khai chương trình tổng thể phát triển CNTT của tỉnh, cần chú ý triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP, ngày 05/6/2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000-2005. Mà cụ thể là triển khai dự án thành lập trung tâm công nghệ phần mềm Cần Thơ.

1.2. Nhóm giải pháp về qui định thống nhất các tiêu chuẩn kỹ thuật trong hệ thống thông tin của tỉnh: Nhằm đảm bảo tính hiệu quả và giảm lãng phí, đồng thời đảm bảo tính nhất quán và khả năng tương hợp, trao đổi giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh, trong quá trình thực hiện đề án tổng thể phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2001-2005 mà cụ thể là khi thực hiện các dự án công nghệ thông tin, cần tuyệt đối tuân thủ theo một nguyên tắc sau: Hệ thống thông tin của tỉnh là một thể thống nhất, đảm bảo việc trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các phân hệ và việc tích hợp thông tin từ các phân hệ tạo thành cơ sở dữ liệu dùng chung.

Để thực hiện được nguyên tắc trên thì vấn đề áp dụng các hệ chuẩn và nhóm chuẩn quốc gia hoặc các tiêu chuẩn phù hợp với xu thế phát triển CNTT trên thế giới trong quá trình triển khai các dự án CNTT trên địa bàn tỉnh là việc làm bắt buộc. Hệ các chuẩn và nhóm chuẩn cho môi trường hệ thống mở, gồm: dịch vụ hệ điều hành, giao diện người/máy tính, dịch vụ quản trị cơ sở dữ liệu, dịch vụ trao đổi, truyền dữ liệu,...

Như vậy, vấn đề đặt ra là nếu chưa có chuẩn quốc gia, thì địa phương bắt buộc phải đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật (chuẩn địa phương) về phần cứng, phần mềm cho hệ thống thông tin của mình. Để đảm bảo tính thống nhất, cũng như tính trao đổi giữa các hệ thống thông tin của tỉnh. Như vậy, việc đầu tiên phải thực hiện là thành lập ban xây dựng chuẩn nhằm quy tụ đội ngũ chuyên gia về CNTT (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) để xây dựng và đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật cho hệ thống mạng thông tin tỉnh Cần Thơ (Intranet Cần Thơ). Trong quá trình xây dựng, lực chọn các tiêu chuẩn kỹ thuật, nhóm chuyên gia cần tham khảo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia (nếu có), thậm chí tham khảo hoặc chọn tiêu chuẩn quốc tế hay khu vực với điều kiện: tiêu chuẩn khu vực phải phù hợp với xu thế phát triển CNTT trên thế giới. Hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật phải được Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành nghiệm thu và trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở để thực hiện các dự án về CNTT trên địa bàn tỉnh.

Đây là việc làm ưu tiên hàng đầu, các dự án CNTT chỉ được triển khai sau khi đã có bản qui định về tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hệ thống thông tin của tỉnh. Đây đồng thời cũng là điều kiện tiên quyết để triển khai thực hiện dự án CNTT ở địa phương hay đơn vị, nếu đơn vị hoặc địa phương

tự ý triển khai thực hiện mà không áp dụng qui định bắt buộc về tiêu chuẩn kỹ thuật thì sẽ không được cấp kinh phí hoặc không được thanh quyết toán.

1.3. Nhóm giải pháp về xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin của tỉnh: Chúng ta mới chỉ quan tâm đến việc mua thiết bị, chạy vài phần mềm chuyên dùng nào đó cho việc xử lý công việc của cơ quan đơn vị. Mà hoàn toàn chưa chú ý tới việc xây dựng các cơ sở dữ liệu, việc tích hợp thông tin cũng như việc chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các mạng cục bộ với nhau để thiết lập nên hệ thống tin chuyên ngành. Cốt lõi của vấn đề xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin là: xây dựng hệ thống tích hợp các mạng truyền thông, các máy tính, các cơ sở dữ liệu, các dịch vụ,... Mà mạng truyền thông là xương sống của cơ sở hạ tầng thông tin của tỉnh. Do đó trong quá trình hình thành mạng xương sống, cần phải xem xét, nghiên cứu hiện trạng mạng đồng trục, mạng cáp quang, viba và hướng qui hoạch phát triển mạng cáp quang của Bưu Điện. Để trên cơ sở đó mà hình thành mạng truyền thông của tỉnh một cách phù hợp, tránh lãng phí tiền của một cách vô ích. Nói cách khác, việc xây dựng mạng truyền thông của tỉnh phải dựa trên nền mạng cáp quang của Bưu điện tỉnh.

Bên cạnh việc xây dựng mạng truyền thông của tỉnh cần phải xây dựng các cơ sở dữ liệu và thực hiện một số dịch vụ trên mạng. Hiện nay, trong hạng mục ngân sách không có mục cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu. Do đó, trong thực tế khi cơ sở dữ liệu được xây dựng xong và chuyển giao cho đơn vị thì cũng là lúc khai tử cơ sở dữ liệu, vì hai lý do: thứ nhất: không có cơ chế tài chính cho việc cập nhật dữ liệu, khiến người được phân công cập nhật dữ liệu không muốn làm, thứ hai: nhiều đơn vị chưa thấy tầm quan trọng của cơ sở dữ liệu. Xuất phát từ thực tế trên, Sở Tài chính cần xem xét để có cơ chế tài chính cho việc cập nhật dữ liệu cho các cơ sở dữ liệu đã xây dựng. Mặc dù hàng năm tốn thêm một khoảng kinh phí nhỏ, nhưng tạo ra một cơ sở dữ liệu lớn phục vụ ngay cho công tác quản lý, nghiên cứu của đơn vị. Các đơn vị khi đã xây dựng xong cơ sở dữ liệu, thì hàng năm cũng phải xây dựng kế hoạch cập nhật cơ sở dữ liệu về mặt thông tin số liệu và về mặt tài chính. Nếu đơn vị nào để cho cơ sở dữ liệu chết thì phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

Cần thực hiện một số dịch vụ trên mạng, ngoài việc sử dụng e.mail như hiện nay. Cần đặc biệt chú ý tới mạng công cộng cho phép mọi người tiếp cận cơ sở dữ liệu và việc điện tử hóa một số công đoạn, như: thủ tục đăng ký kinh doanh, thủ tục đăng ký đầu tư, thủ tục cấp phép xây dựng,... Đây chính là cơ sở và nền tảng để tiến tới việc hình thành E-Government (chính quyền điện tử). Việc làm này, sẽ góp phần loại bỏ sự tiêu cực trong việc cấp các loại giấy phép, cũng như đỡ tốn hao công sức và tiền của người dân. Tuy nhiên để thực hiện được công việc trên, đòi hỏi quyết tâm rất cao của các cơ quan công quyền. Đó là việc phải phân loại lại các thủ tục, giấy tờ, các biểu mẫu,... Tóm lại là phải xây dựng dự án cụ thể, trên cơ sở đã phân tích hệ thống. Việc làm này đòi hỏi sự tham gia của cả bộ máy, chứ không chỉ một hai cán bộ, hoặc các chuyên gia tin học là có thể làm được. Vì vậy, cần có sự chỉ đạo kiên quyết của tỉnh ủy và UBND tỉnh trong việc thực thi công việc trên.

1.4. Nhóm giải pháp về tạo nguồn thông tin và chuẩn hóa thông tin: Mặc dù không phải là vấn đề mới, hoặc chỉ khi thực hiện CNTT mới quan tâm tới vấn đề này. Mà trong nhiều năm qua, tình trạng số liệu không khớp nhau, không được chuẩn hóa, gây rất nhiều khó khăn cho công tác lập kế hoạch, lập qui hoạch của tỉnh, cũng của các ngành. Một vấn đề nữa, là trong kinh tế thị trường, có nhiều thông tin các doanh nghiệp rất cần, hoặc các nhà nghiên cứu rất cần cho công tác của mình, nhưng không biết tìm ở đâu. Vì vậy, việc tạo nguồn thông tin, cũng như chuẩn hóa thông tin là việc làm rất cần thiết khi muốn tạo lập các cơ sở dữ liệu và tích hợp chúng để hình thành ngân hàng dữ liệu của tỉnh.

Điều đầu tiên là Tỉnh ủy và UBND tỉnh cần sớm ban hành qui định chuẩn hóa các loại thông tin cho các hoạt động quản lý điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, trước hết trong các lĩnh vực quan trọng nhất của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh (trên cơ sở có tham khảo của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng). Nền tảng để chuẩn hóa thông tin của tỉnh dựa trên qui trình xây dựng niên giám thống kê của Cục Thống kê. Việc chuẩn hóa thông tin phải do Ban chuẩn hóa thông tin của tỉnh thực hiện. Ban này gồm: Cục Thống kê tỉnh chủ trì với sự phối hợp của Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Khoa công nghệ thông tin của trường Đại học Cần Thơ. Ban chuẩn hóa thông tin phải xây dựng được qui trình chuẩn hóa thông tin, để áp dụng cho các ngành, địa phương trong tỉnh.

Trên cơ sở văn bản qui định của Tỉnh ủy và UBND tỉnh và qui trình chuẩn hóa thông tin, các sở ban ngành và địa phương trong tỉnh phải thành lập ban chuẩn hóa thông tin và tiến hành chuẩn

hóa thông tin ngành, địa phương mình. Đồng thời đưa ra các chuẩn thông tin trong hệ thống thông tin phục vụ quản lý của mình (có tham khảo Bộ, ngành chủ quản), gồm: biểu mẫu các loại, chế độ và nội dung báo cáo,...

Bên cạnh đó, việc tạo nguồn thông tin là vô cùng quan trọng. Vì vậy, UBND tỉnh phải có chính sách, qui định trong việc tạo nguồn thông tin. Nói cách khác, định kỳ phải kiểm tra các cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương nhằm xác định việc cập nhật, bổ sung thông tin có kịp thời và liên tục hay không? Song song đó với kinh tế thị trường, thì việc kịp thời phát hiện những khoản trống trong ngân hàng dữ liệu hiện có, là công việc thường xuyên của địa phương, sở ban ngành tỉnh. Định kỳ Ban chuẩn hóa thông tin phải xem xét để đưa ra kiến nghị với UBND tỉnh để duy trì nguồn thông tin hiện có, cũng như tạo nguồn thông tin mới, để đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin trong và ngoài tỉnh.

1.5. Bảo vệ thông tin trên mạng: Tỉnh cần sớm ban hành qui định về việc trao đổi và bảo vệ thông tin trên mạng Intranet của tỉnh, cũng như việc trao đổi và bảo vệ thông tin trên Internet. Tuy nhiên cần tuân thủ theo nguyên tắc sau đây: Mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng trước pháp luật về quyền được thông tin và trao đổi thông tin ở trong nước cũng như đối với các cơ sở kinh tế ở nước ngoài nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nhưng phải tuân thủ các qui định của Nhà nước về bảo mật thông tin.

Các mạng cục bộ cũng như mạng diện rộng của các sở ban ngành và địa phương, cũng như mạng Intranet của tỉnh chỉ được phép đưa vào vận hành khi đã có các biện pháp bảo mật thông tin. Các biện pháp bảo mật thông tin cho mạng LAN, mạng WAN hoặc mạng Intranet của cơ quan đơn vị phải được lãnh đạo phê duyệt chấp thuận sau khi đã được thông qua Hội đồng khoa học chuyên ngành.

Vấn đề tội phạm tin học cần có các biện pháp ngăn chặn, chế tài và xử lý theo đúng qui định của pháp luật.

1.6. Bảo vệ bản quyền sở hữu trí tuệ: Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ phần mềm là vô cùng khó khăn. Đây cũng là trở ngại lớn trong việc phát triển công nghệ phần mềm ở nước ta. Người sử dụng do những khó khăn về kinh tế mà chưa có thói quen sử dụng phần mềm có bản quyền mà chủ yếu sử dụng các phần mềm sao chép. Do đó, cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp. Bên cạnh đó, cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp, các đoàn thể và các doanh nghiệp Nhà nước là khách hàng lớn của công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ phần mềm, phải gương mẫu đi đầu trong việc sử dụng phần mềm có bản quyền. Nghiêm cấm việc sử dụng các phần mềm sao chép lậu, kể cả phần mềm của nước ngoài. Điều này đòi hỏi một khoảng kinh phí tương đối lớn cho việc mua các phần mềm đang sử dụng ở các công sở trong tỉnh.

Để giải quyết vấn đề trên, đồng thời đảm bảo các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể của tỉnh không bị vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, Sở KHCNMT tỉnh cần phải thống kê, đánh giá chủng loại các phần mềm hiện đang và sẽ có nhu cầu sử dụng ở các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể (các cơ quan hành chính sự nghiệp của tỉnh). Trên cơ sở đó thông qua Sở Tài chính Vật giá sẽ lên kế hoạch đặt mua số lượng lớn với các công ty phần mềm để cung cấp cho tỉnh. Cách làm này sẽ đảm bảo mua được giá rẻ hơn là mua lẻ từng cơ quan ban ngành, đồng thời quản lý được các phần mềm và khi Version mới sẽ được cập nhật với giá rẻ, đồng thời đảm bảo cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể không vi phạm luật pháp về sở hữu trí tuệ. Việc làm này tạo điều kiện cho các nhà phát triển phần mềm mạnh dạn đầu tư và phát triển thị trường ở Cần Thơ.

Trên cơ sở thống kê các phần mềm hiện đang sử dụng, phải nêu được bao nhiêu phần mềm có bản quyền sử dụng. Từ đó cần xây dựng lộ trình thay đổi phần mềm không bản quyền bằng phần mềm có bản quyền, để tiến tới năm 2005, chỉ sử dụng các phần mềm có bản quyền ở các cơ quan công quyền và đoàn thể của tỉnh. Bên cạnh đó cho phép Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh phối hợp với Hội Tin học Cần Thơ và Liên hiệp hội Khoa học, Kỹ thuật tỉnh Cần Thơ tổ chức các cuộc kiểm tra việc sử dụng phần mềm ở các cơ quan, đoàn thể để phát hiện vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp mà có hình thức xử lý theo luật. Đặc biệt đối với các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp của phần mềm do các nhà doanh nghiệp Việt nam sản xuất, phải có hình thức xử lý thật nghiêm nhằm đảm bảo cho các nhà sản xuất phần mềm Việt Nam tồn tại và phát

triển. Bên cạnh việc xử lý các vi phạm về sở hữu trí tuệ, cần tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích và đẩy mạnh việc đăng ký sở hữu trí tuệ, bảo quyền tác giả của các nhà sản xuất phần mềm.

1.7. Chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế: Tỉnh cần xây dựng chương trình hợp tác chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin của tỉnh và với các tỉnh bạn trong khu vực, đồng thời xây dựng chương trình hợp tác quốc tế thông qua các viện trường trên địa bàn tỉnh và các Bộ, ngành trung ương. Bên cạnh đó, Sở Giáo dục-Đào tạo phối hợp với Sở KH&CNMT xây dựng kế hoạch tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin bằng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác. Tỉnh cần bố trí một phần kinh phí trong ngân sách hàng năm để thực hiện công tác đào tạo, nghiên cứu triển khai về công nghệ thông tin. Tỉnh cần có chính sách khuyến khích các chuyên gia công nghệ thông tin là người Việt ở nước ngoài làm cố vấn hoặc tham gia thực hiện các dự án công nghệ thông tin ở Cần Thơ.

1.8. Thúc đẩy thị trường công nghệ thông tin phát triển: Thực chất của giải pháp này là kích cầu cho công nghiệp thông tin trong tỉnh, trong nước phát triển. Vì thông qua các hoạt động kích cầu mà tạo sự chuyển biến sâu rộng về đổi mới hoạt động, đổi mới tổ chức trong mọi hoạt động kinh tế xã hội của tỉnh và của đất nước. Đây cũng chính là việc thực hiện chỉ thị 58 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỉnh ủy và UBND tỉnh phải đầu tư thỏa đáng ngân sách cho việc thực hiện tin học hóa các hoạt động của cơ quan Đảng và Nhà nước các cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Bên cạnh đó, các cơ quan đảng và nhà nước các cấp với tư cách là khách hàng lớn nhất của công nghệ thông tin, trong quá trình mua sắm các sản phẩm và dịch vụ CNTT, cần ưu tiên lựa chọn các sản phẩm phần mềm và dịch vụ CNTT ở trong tỉnh, trong vùng và trong nước. Các sản phẩm phần mềm và dịch vụ CNTT đều được phép khấu hao nhanh, để tạo điều kiện nhanh chóng đổi mới công nghệ thông tin. Trong tham gia đấu thầu các dự án về công nghệ thông tin trong tỉnh, cần tạo điều kiện và ưu tiên cho các doanh nghiệp trong tỉnh, trong nước tham gia.

1.9. Vốn cho phát triển công nghệ thông tin: Việc đầu tư vốn cho phát triển CNTT được thực hiện bằng nhiều nguồn khác nhau, nhưng tuân theo nguyên tắc sau đây:

Ngân sách tỉnh chỉ đầu tư và không thu hồi vốn cấp cho các kế hoạch, dự án đưa CNTT vào quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, giáo dục và đào tạo, việc phổ biến nâng cao kiến thức về CNTT và một phần cho nghiên cứu triển khai.

Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, hoặc đầu tư có thu hồi cho các hoạt động nghiên cứu, triển khai CNTT của các doanh nghiệp theo định hướng ưu tiên của tỉnh.

Khuyến khích các thành phần kinh tế, mọi tổ chức và cá nhân bỏ vốn đầu tư CNTT.

V.2. Tổ chức thực hiện:

Việc tổ chức thực hiện chương trình tổng thể phát triển CNTT giai đoạn 2001-2005 có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương. Tuy nhiên để đảm bảo thành công của chương trình tổng thể phát triển CNTT giai đoạn 2001-2005, đòi hỏi phải có sự tập trung quản lý thống nhất vào một đầu mối nhằm phối hợp liên ngành, liên lãnh thổ. Vì vậy, cần giao trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực CNTT cho Sở KH, CN&MT tỉnh.

2.1. Nhiệm vụ của Sở KH, CN&MT

- Chủ trì việc tổ chức thực hiện đề án chương trình phát triển CNTT ở tỉnh giai đoạn 2001-2005.

- Phối hợp với Liên hiệp Hội KH&KT của tỉnh để xúc tiến thành lập Hội tin học Cần Thơ.

- Thành lập Ban xây dựng chuẩn kỹ thuật với chức năng xây dựng, cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật đây:

- + Xây dựng các tiêu chuẩn cấp tỉnh ban đầu về các lĩnh vực CNTT
- + Lập tài liệu và công bố rộng rãi các chuẩn này theo định kỳ hoặc khi có thay đổi.
- + Ra các khuyến cáo và các nhận xét về phần mềm, phần cứng mới xuất hiện trên thị trường

+ Kiểm tra việc thực hiện theo chuẩn các đề án CNTT có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

- Hướng dẫn và phối hợp với các sở ban ngành và địa phương xây dựng đề án phát triển CNTT của đơn vị, địa phương mình

- Tổ chức thực hiện công văn số 3565/UB, của UBND tỉnh về việc thành lập trung tâm công nghệ phần mềm của tỉnh.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển CNTT của tỉnh hàng năm, trên cơ sở chương trình phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ 2001-2005 được UBND tỉnh duyệt và các dự án phát triển CNTT của các ngành địa phương.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chương trình phát triển CNTT cho lãnh đạo tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh

2.2. Nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương:

- Sở Kế hoạch và đầu tư có trách nhiệm đưa kế hoạch CNTT vào kế hoạch kinh tế-xã hội hàng năm của tỉnh để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng Sở Tài Chính Vật giá và Sở KH,CN&MT dự kiến phân bổ kinh phí hàng năm cho các dự án CNTT được duyệt.

- Các sở ban ngành tỉnh và UBND các huyện thị thành, căn cứ vào đề án chương trình phát triển CNTT tỉnh Cần Thơ 2001-2005 và căn cứ vào việc qui hoạch, chiến lược phát triển ngành, địa phương mà xây dựng kế hoạch và phát triển CNTT cụ thể của ngành mình hay địa phương mình.

V.3. Kiến nghị:

3.1. Hàng năm UBND tỉnh cần có đánh giá khen thưởng riêng cho các đơn vị có thành tích trong lĩnh vực triển khai CNTT.

3.2. Ban hành tiêu chuẩn về kiến thức CNTT cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý của tỉnh, như: sử dụng được các phần mềm soạn thảo văn bản, bảng tính.

3.3. Hàng năm, Sở Tài chính Vật giá cần phân bổ kinh phí cho các ngành để cập nhật cơ sở dữ liệu và nâng cấp phần mềm chuyên dùng đã xây dựng.

3.4. Kiến nghị chính phủ cho mở cổng Internet tại trung tâm công nghệ phần mềm của tỉnh và khu công nghiệp - chế xuất của tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ

TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CNTT GIAI ĐOẠN 2001-2005

DỰ ÁN 1: *Nâng cao nhận thức về CNTT trong tỉnh, đặt biệt cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp.*

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005

Cơ quan chủ trì: Sở KH, CN & MT

Cơ quan tham gia: Trung tâm thông tin Khoa học - Công nghệ, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Hội tin học tỉnh, Đại học Cần Thơ.

Mục tiêu: Nâng cao nhận thức của xã hội, của cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp các ngành về CNTT thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như: báo, đài phát thanh, đài truyền hình, tạp chí,... hoặc các lớp tập huấn ngắn ngày với các nội dung chọn lọc cho thích hợp với từng đối tượng, bao gồm: khái niệm, nội dung phát triển CNTT, cơ hội và thách thức, vai trò, tầm quan trọng và tác động của CNTT đối với hoạt động kinh tế xã hội và quản lý.

Kết quả: Nhận thức của xã hội, của cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý về CNTT được nâng cao. Cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý tích cực ủng hộ và tích cực tham gia chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án CNTT ở cơ quan và địa phương mình.

Kinh phí dự kiến: 300 triệu.

DỰ ÁN 2: *Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển CNTT của tỉnh.*

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005

Cơ quan chủ trì: Bưu điện tỉnh

Cơ quan tham gia: Công an tỉnh, Sở Thương mại, Sở Văn hóa Thông tin, Văn phòng tỉnh ủy.

Mục tiêu: Nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng viễn thông, thúc đẩy phát triển và ứng dụng Internet rộng rãi và có hiệu quả ở Cần Thơ, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ ứng dụng trên mạng.

Kết quả dự kiến: Đến năm 2005, cơ bản xây dựng xong cơ sở hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu phát triển CNTT, cụ thể: hoàn thành đường cáp quang đến các huyện, thị, thành, các cơ quan ban ngành và xã, thị tứ trong tỉnh. Từ 2001-2005, mở cổng kết nối Internet với đường truyền 4Mb/giây, tại các khu công nghiệp trong tỉnh (Khu công nghiệp Trà Nóc, khu Hưng Phú) và Trung tâm công nghệ phần mềm của tỉnh.

Kinh phí dự kiến: 5 tỉ

DỰ ÁN 3: *Xây dựng hệ thống thông tin điện tử của tỉnh. Xây dựng hệ thống mạng Intranet với các dịch vụ thông tin trên mạng cho các sở ban ngành lớn của tỉnh*

Thời gian thực hiện: 5 năm , 2001-2005

Cơ quan chủ trì:

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Từng bước đưa hoạt động của UBND tỉnh theo mô hình chính quyền điện tử (E. Government). Từ hình thức xử lý thông tin dựa trên giấy tờ sang xử lý thông tin dưới dạng điện tử, thông qua hệ thống mạng truyền thông.

Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý trong các sở ngành trọng điểm và các huyện, thị, thành.

Tổ chức các kho dữ liệu điện tử.

Kết quả: Xây dựng tại 6 huyện, thị, thành các mạng Intranet trên cơ sở các cơ sở dữ liệu tổng hợp đến cấp huyện, sở ban ngành theo mô hình mạng tích hợp và liên kết khai thác dữ liệu trên địa bàn tỉnh. Thử nghiệm mô hình giao ban điện tử trên mạng Intranet của tỉnh.

Xây dựng mạng Intranet của tỉnh, đồng thời xây dựng trang chủ và mở rộng website của tỉnh Cần Thơ trên Internet để mọi người truy cập.

Kinh phí dự kiến: 4 tỉ

DỰ ÁN 4: Xây dựng hệ thống các trung tâm thông tin của tỉnh

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì:

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu của tỉnh. Xây dựng hệ thống các trung tâm dữ liệu của tỉnh ở huyện, thị thành phục vụ việc tổ chức khai thác các nguồn thông tin.

Kết quả: Hoàn thành phần mềm tổ chức cơ sở dữ liệu tổng hợp. Xây dựng các CSDL tổng hợp về kinh tế xã hội và khai thác các CSDL phục vụ quản lý các dự án, chương trình kinh tế xã hội. Tích hợp các cơ sở dữ liệu của tỉnh từ các trung tâm đầu mối của tỉnh.

Kinh phí dự kiến: 3 tỉ

DỰ ÁN 5: Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống thông tin điện tử phục vụ sự lãnh đạo của Đảng.

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì: Ban chỉ đạo CNTT của Đảng

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Đáp ứng các yêu cầu của Tỉnh ủy, thường vụ tỉnh ủy, các ban Đảng và Đảng ủy các cấp về các thông tin phục vụ công tác phân tích dự báo hỗ trợ ra quyết định và thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng.

Kết quả: Xây dựng mạng thông tin diện rộng của hệ thống các cơ quan Đảng tới cấp huyện, xã. Hệ thống thông tin cùng với CSDL phục vụ công tác lãnh đạo của tỉnh ủy. Xây dựng Website, hệ thống quản lý công văn, lưu trữ và các phần mềm phục vụ cho hoạt động của hệ thống các cơ quan Đảng.

Kinh phí dự kiến: 3-4 tỉ

DỰ ÁN 6: Xây dựng trung tâm thông tin khoa học - công nghệ

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì: Sở KH, CN & MT

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: xây dựng trung tâm thông tin dữ liệu lớn nhất của tỉnh về các lĩnh vực kinh tế xã hội. Đây cũng là nơi tạo điều kiện cho các nhà lập trình làm việc. Đồng thời cũng là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho CNTT của tỉnh, đặt biệt cho công nghệ phần mềm, theo tinh thần CV 3565 của UBND tỉnh. Vì vậy, đào tạo cho được (bổ túc hoặc ngắn hạn) lập trình viên tin học chuyên nghiệp và kỹ thuật viên tin học. Bổ túc ngắn hạn cho một số cử nhân, kỹ sư ngành khác để họ chuyển sang hoạt động trong CNTT. Đào tạo được một đội ngũ cán bộ CNTT có chất lượng, trình độ ngang khu vực (đạt tiêu chuẩn quốc tế).

Kết quả: Xây dựng một trung tâm thông tin khoa học-công nghệ của tỉnh. Hàng năm, thông qua tuyển chọn cử đi đào tạo ở nước ngoài khoảng 10-15 cán bộ đã tốt nghiệp đại học về CNTT theo học các chương trình sau đại học về CNTT bằng nguồn ngân sách của tỉnh.

Kinh phí dự kiến: 2-3 tỉ

DỰ ÁN 7: Đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề cho CNTT.

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì:

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Tạo được đội ngũ kỹ thuật viên đáp ứng được nhu cầu thị trường CNTT trong tỉnh và của ĐBSCL và các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Kết quả: Trong 5 năm (2001-2005), đào tạo được 500 kỹ thuật viên chuyên nghiệp về CNTT.

Kinh phí dự kiến: 300 triệu

DỰ ÁN 8: Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy CNTT trong trường phổ thông

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục-Đào tạo

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Đưa kiến thức về CNTT vào các trường phổ thông các cấp, nâng cao kiến thức CNTT cho đội ngũ giáo viên. ứng dụng CNTT trong việc quản lý, dạy và học.

Kết quả: đến cuối năm 2005, có đủ giáo viên tin học và 100% học sinh trung học phổ thông và trung học cơ sở và 100% học sinh tiểu học ở thành phố, thị xã được học và thực hành tin học. Tiến hành thí điểm nối mạng Internet với các phòng tin học ở tất cả các trường trung học phổ thông.

Kinh phí dự kiến: 2 tỉ

DỰ ÁN 9: Đào tạo về quản lý thông tin và CNTT cho cán bộ quản lý.

Thời gian thực hiện: 5 năm, 2001-2005.

Cơ quan chủ trì: Sở KH,CN&MT.

Cơ quan tham gia: Trường Chính trị tỉnh. Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh

Mục tiêu: Nâng cao năng lực sử dụng và quản lý thông tin và CNTT của các cán bộ quản lý; Nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác thông tin trong các cơ quan Nhà nước ở các cấp.

Kết quả: Đào tạo được đủ số giám đốc thông tin cho các cơ quan tỉnh ủy, chính quyền các cấp và các doanh nghiệp. Tất cả các cán bộ quản lý được nâng cao trình độ về quản lý và sử dụng thông tin.

Kinh phí dự kiến: 500 triệu

DỰ ÁN 10: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho công nghiệp phần mềm của tỉnh.

Thời gian thực hiện: 5 năm (2001-2005)

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường

Cơ quan tham gia:

Mục tiêu: Tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức phần mềm về địa điểm làm việc, hệ thống viễn thông hiện đại, cổng kết nối Internet, hệ thống điện ổn định với giá cho thuê rẻ.

Kết quả: Hình thành khu sản xuất phần mềm ở Cần Thơ (nên chọn ở khu vực bãi cát, gần khu hội chợ, rất tiện cho việc xây dựng và phát triển sau này)

Kinh phí dự kiến: 5 - 7 tỉ

DỰ ÁN 11: Xây dựng hệ thống thư viện điện tử của tỉnh

Thời gian thực hiện: 5 năm (2001-2005)

Cơ quan chủ trì: Đại học Cần Thơ

Cơ quan tham gia: Thư viện tỉnh, Sở Giáo Dục - Đào tạo, Sở Văn hóa-Thông tin.

Mục tiêu: Xây dựng được thư viện điện tử của tỉnh, tạo điều kiện cho các thành phần tham gia sử dụng

Kết quả: xây dựng được thư viện điện tử của tỉnh, thư viện điện tử cho trường trung học phổ thông và thư viện điện tử cho một huyện.

Kinh phí dự kiến: 800 triệu

PHỤ LỤC 1

TỔNG SỐ MÁY VI TÍNH CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CỦA TỈNH CẦN THƠ (số liệu tính đến 31/12/2000 – Nguồn Sở KH,CN&MT)

TT	Tên đơn vị	Máy tính, cái	Ghi chú
1	UBND Tp Cần Thơ	6	
2	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	4	
3	Trường chính trị tỉnh	3	
4	Sở Tư Pháp	8	
5	Phòng cảnh sát giao thông tỉnh-CA tỉnh	3	
6	Đại học tại chức tỉnh Cần Thơ	48	
7	Phòng tài chính huyện Ô môn	3	
8	Phòng Kế hoạch - đầu tư H. Ô Môn	1	
9	Trung tâm y tế H. Ô Môn	5	
10	UBND huyện Ô Môn	3	
11	Trung tâm y tế H. Thốt Nốt	5	
12	Trung tâm y tế H. Long Mỹ	5	
13	UBND huyện Long Mỹ	6	
14	Trung tâm chuẩn đoán y khoa tỉnh	3	
15	Phòng tài chính H. Phụng Hiệp	3	
16	Trung tâm y tế H . Phụng Hiệp	5	
17	UBND huyện Phụng Hiệp	13	
18	UBND huyện Vi Thanh	6	
19	Phòng tài chính H. Long Mỹ	2	
20	Báo Cần Thơ	10	
21	Sở Y tế	13	
22	Phòng cảnh sát QLHC – CA tỉnh	10	
23	Sở tài chính Vật giá	14	
24	UBND tỉnh Cần Thơ	32	
25	Trung tâm Đào tạo-Tư vấn và CGCN	24	
26	Sở kế hoạch và Đầu tư	15	
27	Toà án nhân dân tỉnh	7	
28	Ban Tổ chức chính quyền tỉnh	5	
29	Trung tâm kỹ thuật TC-ĐL-CL	3	
30	Sở KH,CN&MT	12	
31	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	4	
32	Trung tâm khuyến nông tỉnh	2	
33	Ban quản lý dự án sau thu hoạch Danida	6	
34	Chi cục TC-ĐL-CL	1	
35	Cục Thống kê tỉnh	32	

36	Chi cục Thú ý tỉnh	19	
37	Sở Địa chính	17	
38	Bảo hiểm xã hội tỉnh	5	
39	Chi cục bảo vệ thực vật	3	
40	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	10	
41	Chi Cục Thủy lợi tỉnh	3	
42	Bệnh viện Đa khoa Cần Thơ	21	
43	Bệnh viện 30-4	6	
44	Văn phòng tỉnh ủy	30	
45	Cục quản lý vốn	6	
46	Ban Tài chính tỉnh ủy	4	
47	Trung tâm vi tính sở giáo dục và đào tạo	4	
48	Ban Tài chính Tp Cần Thơ	3	
49	Các trường phổ thông sở giáo dục	416	
50	Cục Đầu tư và Phát triển	16	
	Tổng cộng	885	

Ghi chú: Không tính số lượng máy tính của các đơn vị sản xuất kinh doanh, Đại học Cần Thơ, Quân khu 9, hệ thống ngân hàng, kho bạc và cửa tư nhân.

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG MẠNG NỘI BỘ (Số liệu tính đến 31/12/2000 – Nguồn Sở KH,CN&MT)

TT	Tên đơn vị	Mạng	Server,c	Wor.,c	Ghi chú
1	Đại học tại chức	LAN	2	41	
2	Phòng cảnh sát QLHC – CA tỉnh	LAN	1	7	
3	Báo Cần Thơ	LAN	1	8	Nối Internet
4	Sở Y tế	WAN		1	Nối huyện
5	Trung tâm Đào tạo-Tư vấn,CGCN				

6	Chi cục Thú y	LAN	1	13	
7	Văn phòng tỉnh ủy	LAN	1	14	Nối VP TƯ
8	Sở Tài chính vật giá	LAN	1	4	
9	Bệnh viện 30/4	WAN		1	
10	UBND tỉnh	L-W	1	28	Nối VPCP
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	LAN	1	5	
12	Sở KH,CN&MT	L-W	2	8	Itinet,Internet
13	Cục Đầu tư và Phát triển	LAN	1	15	
14	Trung tâm vi tính	LAN			
15	Cục Thống kê	LAN	3	11	
	Tổng cộng		15	163	

Ghi chú: Không tính số lượng mạng máy tính của các đơn vị sản xuất kinh doanh, Đại học Cần Thơ, Quân khu 9, hệ thống ngân hàng, kho bạc,...

PHỤ LỤC 3

PHẦN MỀM CHUYÊN DỤNG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG (Số liệu tính đến 31/12/2000 – Nguồn Sở KH,CN&MT)

TT	Tên đơn vị	Tên phần mềm	Ghi chú
1	Sở Tư pháp	Quản lý văn bản pháp luật	
2	Phòng cảnh sát giao thông tỉnh	Quản lý mô tô	Địa phương
		Quản lý ô tô	Địa phương
3	Đại học tại chức Cần Thơ	Kế toán HCSN	Misa group
4	Phòng tài chính H.Ố Môn	Quản lý ngân sách	
5	Trung tâm y tế H.Ố Môn	Quản lý kế toán	
6	Trung tâm y tế H.Thốt Nốt	Quản lý kế toán	
		Quản lý bệnh án	
7	Trung tâm y tế H. Long Mỹ	Quản lý kế toán	
8	Phòng Tài chính H.Phụng Hiệp	Quản lý ngân sách	
9	Trung tâm y tế H. Phụng Hiệp	Quản lý kế toán	
10	UBND huyện Phụng Hiệp	Quản lý công chức	Địa phương
11	UBND huyện Vị Thanh	Quản lý công chức	Địa phương
12	Phòng tài chính H.Long Mỹ	Quản lý ngân sách	
13	Báo Cần Thơ	Quản lý kế toán	
14	Sở y tế	Quản lý kế toán	Địa phương
		Quản lý lương	
15	Sở Tài chính vật giá	Quản lý ngân sách	Địa phương
16	UBND tỉnh	Quản lý công văn	VPCP
		Quản lý khiếu tố	Địa phương

17	Tòa án nhân dân tỉnh	Quản lý án hình sự	Địa phương
		Quản lý án dân sự	Địa phương
18	Ban Tổ chức chính quyền	Quản lý công chức	Địa phương
19	Sở Nông nghiệp &PTNN	Quản lý HCSN	Bộ NNPTNN
		Quản lý hồ sơ CCVC	Bộ NNPTNN
		Quản lý Bcquỹ tiền lương	Bộ NNPTNN
20	Ban quản lý dự án sau thu hoạch	Quản lý kế toán	
21	Sở Địa chính	Quản lý thửa đất	TCĐC
		Quản lý hồ sơ CDATA	TCĐC
		Quản lý đất đô thị	TCĐC
		Thống kê	TCĐC
22	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Quản lý đối tượng BHXH	BHXHVN
23	Sở LĐTBXH	Quản lý người có công	
		Quản lý các dự án	
		Quản lý tài sản	
24	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Quản lý kế toán	
25	Bệnh viện 30/4	Quản lý kế toán	
26	Trung tâm vi tính	Quản lý nhân sự	
		Kiểm kê tài sản	
		Quản lý thi	
27	Văn phòng tỉnh ủy	Quản lý công văn	VPTUĐảng
28	Ban tài chính Tp Cần Thơ	Quản lý ngân sách	
29	Phòng cảnh sát QLHC-CA tỉnh	Quản lý hộ khẩu	Địa phương
		Quản lý vũ khí-vật liệu nổ	Địa phương
30	Sở KH,CN&MT	GIS về ktc-xhội tỉnh	Địa phương
		GIS về điều kiện tự nhiên	Địa phương
		Quản lý đề tài nghiên cứu	Địa phương
		Quản lý địa chất thủy văn	Địa phương
		Và các giếng khoan	
		Quản lý danh sách cán bộ	Địa phương
		Kh&KT của tỉnh.	

Ghi chú: Không tính số lượng các chương trình phần mềm của các đơn vị sản xuất kinh doanh, Đại học Cần Thơ, Quân khu 9, hệ thống ngân hàng, kho bạc,...

PHU LUC 4

CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHỦ YẾU CỦA TỈNH

Dưới đây trình bày một số cơ sở dữ liệu lớn của tỉnh hiện đang được sử dụng. Phần lớn các cơ sở dữ liệu chạy trên máy đơn vì thời điểm xây dựng cơ sở dữ liệu chưa tính đến việc chạy trên mạng. Đây cũng là nhược điểm cần khắc phục trong thời gian tới.

Cơ sở dữ liệu công chức viên chức tỉnh: Cơ sở dữ liệu được xây dựng từ cuối năm 1993, đến năm 1996 thì đưa vào hoạt động. Đây là cơ sở dữ liệu quản lý toàn bộ cán bộ viên chức của tỉnh Cần thơ.

Chương trình quản lý văn bản: của UBND tỉnh Cần Thơ, được văn phòng chính phủ cung cấp từ năm 1997. Chương trình chạy trên mạng cục bộ của văn phòng UBND tỉnh, trên nền Lotus Note quản lý các văn bản đến và đi. Chương trình này sử dụng rất hiệu quả, chạy nhanh, giao diện đẹp thích hợp người dùng.

Cơ sở dữ liệu vũ khí - vật liệu nổ: Lưu trữ và khai thác nhanh chóng các dữ liệu cần thiết trong công tác đăng ký vũ khí, vật liệu nổ phục vụ công tác quản lý, góp phần giữ vững an ninh quốc gia và giữ vững an toàn trật tự xã hội của tỉnh nhà.

Cơ sở dữ liệu quản lý hộ khẩu: Cơ sở dữ liệu được xây dựng từ năm 1997, chạy trên mạng cục bộ của phòng cảnh sát Hành chính và Trật tự Trị an quản lý trên 300.000 hộ khẩu trong tỉnh của hơn 1,8 triệu dân.

Cơ sở dữ liệu quản lý các đề tài chương trình khoa học: Cơ sở dữ liệu được xây dựng từ năm 1998 quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh.

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường: Cơ sở dữ liệu được thực hiện từ năm 1996, chạy trên máy đơn ứng dụng công nghệ GIS xây dựng 16 lớp thông tin chuyên đề về điều kiện tự nhiên và kinh tế-xã hội của tỉnh.

Cơ sở dữ liệu về kinh tế xã hội tỉnh: Cơ sở dữ liệu được xây dựng từ năm 1998 viết bằng phần mềm Power Builder quản lý các số liệu kinh tế xã hội tỉnh để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ sở dữ liệu về án hình sự: Lưu trữ thông tin có liên quan đến phạm nhân (Họ tên, quê quán, phạm tội, tội danh tuyên án, thời gian phạt tù, có tiền án, tiền sự không...) giúp cho toà án trong quá trình điều tra, tìm kiếm thông tin về phạm nhân, nhanh chóng kịp thời, phục vụ cho công tác xét xử và quản lý án hình sự của toà án nhân dân tỉnh.

PHU LUC 5

TÓM TẮT CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CNTT GIAI ĐOẠN 2001-2005

DỰ ÁN 1: *Nâng cao nhận thức về CNTT trong tỉnh.* Kinh phí 800 triệu.

DỰ ÁN 2: *XD, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật CNTT.* Kinh phí 5 tỉ.

DỰ ÁN 3: *Xây dựng hệ thống mạng Intranet.* Kinh phí 4 tỉ

DỰ ÁN 4: *Xây dựng Trung tâm cơ sở dữ liệu của tỉnh.* Kinh phí 3 tỉ

DỰ ÁN 5: *XD và phát triển hệ thống thông tin điện tử của Đảng.* Kinh phí 3-4 tỉ

DỰ ÁN 6: *XD Trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ.* Kinh phí 2-3 tỉ

DỰ ÁN 7: *Đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề cho CNTT.* Kinh phí 300 triệu.

DỰ ÁN 8: *Nâng cao chất lượng dạy CNTT trong trường P.thông.* Kinh phí 2 tỉ.

DỰ ÁN 9: *Đào tạo quản lý thông tin và CNTT cho CB quản lý.* Kinh phí 500 triệu

DỰ ÁN 10: *Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho công nghệ phần mềm của tỉnh.* Kinh phí 10 tỉ

DỰ ÁN 11: *Xây dựng hệ thống thư viện điện tử của tỉnh.* Kinh phí 3.000 triệu

PHÂN KỲ NHU CẦU KINH PHÍ TRONG GIAI ĐOẠN 2001-2005

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Cộng (Triệu)	Năm				
			2001	2002	2003	2004	2005
	Dự án 1	800	150	200	200	200	50
	Dự án 2	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Dự án 3	4.000	800	1.200	1.200	800	
	Dự án 4	3.000	600	600	600	600	600
	Dự án 5	4.000	800	800	800	800	800
	Dự án 6	3.000	600	600	600	600	600
	Dự án 7	300	50	50	100	50	50
	Dự án 8	2.000	400	400	400	400	400
	Dự án 9	500	100	100	100	100	100
	Dự án 10	10.000	6.000	4.000			
	Dự án 11	3.000		1.000	1.000	1.000	
	Cộng	35.600	10.500	9.950	6.000	5.550	3.600

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chỉ thị số 58/CT-TW, Ngày 17/10/2000, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “ về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.
- Nghị quyết số 07/2000/NQ, ngày 05/6/2000 của Thủ Tướng chính phủ về việc xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000-2005.
- Quyết định số 128/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp phần mềm.
- Công văn số 3565/UB, ngày 02/11/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập trung tâm công nghệ phần mềm của tỉnh.
- Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ 1996-2000.
- Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin ở nước ta đến năm 2000.
- Kế hoạch tổng thể về phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam giai đoạn 2001-2005.
- Đề án xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam giai đoạn 1999-2005.
- Kỷ yếu hội thảo khoa học “ Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”- Ban Khoa giáo TW, Bộ KH,CN&MT, Bộ Ngoại giao, Hà nội 21-22/6/2000.
- Báo cáo tình hình thực hiện công nghệ thông tin tỉnh Cần Thơ giai đoạn 1996-1999 - Sở KH,CN&MT Cần Thơ, 9/2000.
- Khoa học và công nghệ hướng tới thế kỷ XXI - Định hướng và chính sách - Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội 2000. GsTs Vũ Đình Cự.
- Chính sách phát triển khu công nghệ cao của một số nước châu Á - Thông tin tham khảo, Trung tâm Thông tin-Thư viện và nghiên cứu khoa học, Văn phòng Quốc hội - tháng 9/2000 .